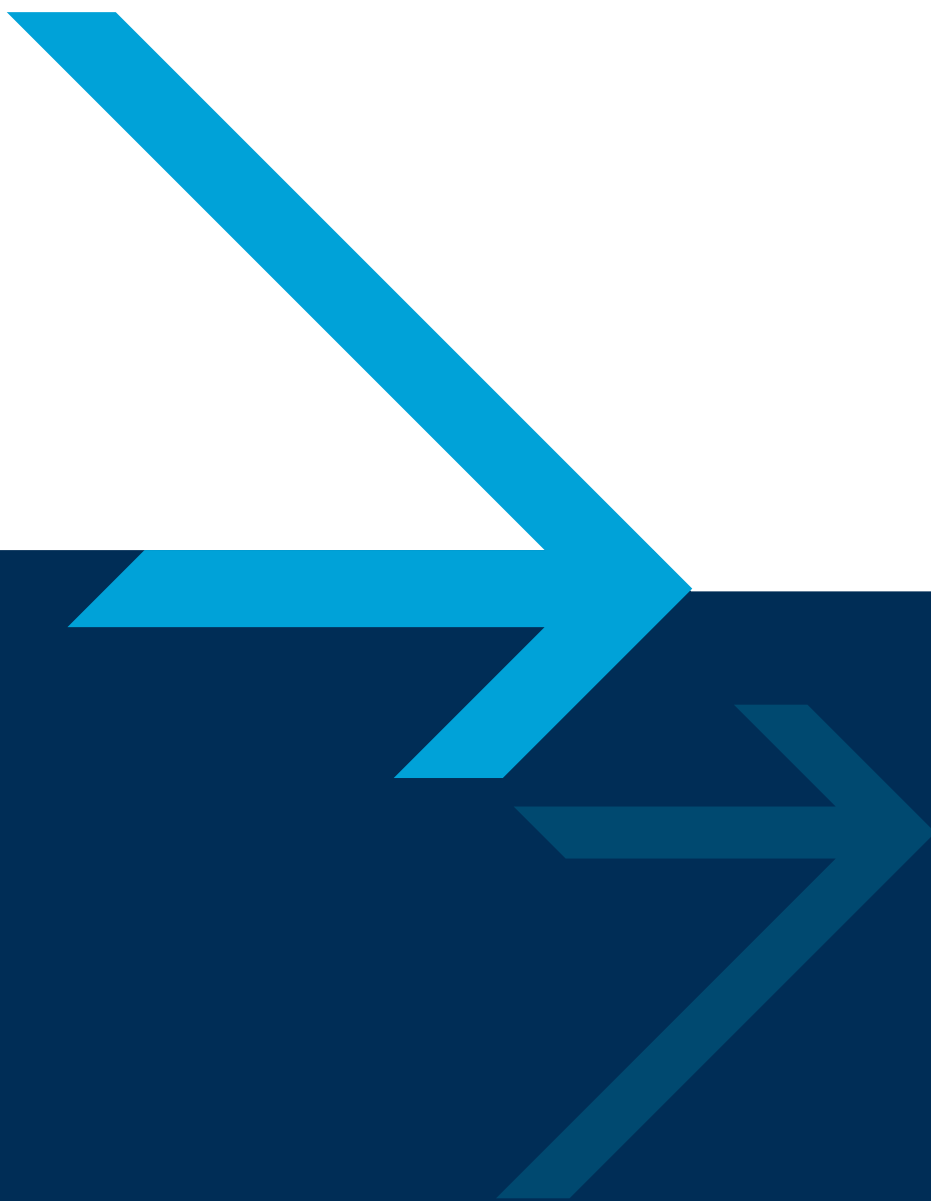




VIETFUND
MANAGEMENT



VF4

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012
QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

Nội dung

TỔNG QUAN

3

Thông tin tóm tắt về quỹ	3
Điểm tài chính nổi bật	5
Môi trường đầu tư chứng khoán năm 2012	6
Triển vọng 2013	7
Phát biểu của Tổng Giám đốc Công ty VFM	9
Phát biểu của Chủ tịch Ban Đại diện	11

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

12

Báo cáo NAV	13
Danh mục đầu tư	14
Tình hình Giải ngân - Thanh toán	16
Kết quả hoạt động của quỹ	18
10 công ty đầu tư lớn nhất	20

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

26

Giới thiệu Ban Đại diện	27
Hoạt động của Ban Đại diện trong năm 2012	28

CÔNG TY VIETFUND MANAGEMENT

30

Giới thiệu Công ty VFM	31
Hoạt động Công ty VFM	32
Sản phẩm & dịch vụ	34

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

38

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ

Tên Quỹ	Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4)
Tên tiếng Anh	Vietnam Blue-chips Fund
Mã giao dịch	VFMVF4
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư vào quá trình cổ phần hóa của các doanh nghiệp lớn của nhà nước; cổ phần của các công ty có giá trị cao, sự tăng trưởng đều qua nhiều năm, và có xu hướng tiếp tục sinh lợi nhuận đều đặn trong tương lai.
Hình thức Quỹ	Quỹ công chúng dạng đóng
Vốn điều lệ	806.460.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	80.646.000 ccq
Ngày thành lập	28/02/2008
Ngày niêm yết & Giao dịch	12/06/2008
Thời hạn hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý quỹ	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam
Phí quản lý	2% NAV/năm
Phí lưu ký	0,06% NAV/năm
Phí giám sát	0,02% NAV/năm
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CCQ : Chứng chỉ quỹ | Cổ phiếu OTC : Cổ phiếu chưa niêm yết | Công ty VFM : Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam |
UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | UBND Tp.HCM : Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh |
Công ty CP/CTCP : Công ty Cổ phần | QI/2012 : Quý I/2012 | Quỹ đầu tư VF1 : Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam |
Quỹ đầu tư VF2 : Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam | Quỹ đầu tư VF4 : Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam |
Quỹ đầu tư VFA : Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam | NAV : Giá trị tài sản ròng |

ĐIỂM TÀI CHÍNH NỔI BẬT

	2012	2011	2010	2009	2008 ***
Quy mô quỹ (tỷ đồng)	806,5	806,5	806,5	806,5	806,5
NAV (tỷ đồng)	533,9	444,4	739,6**	943,5*	6.877,0
NAV/CCQ (đồng)	6.621	5.510	9.171	11.699	8.527
NAV/CCQ cao nhất 52 tuần (VND)	7.392	9.319	12.882	15.539	10.937
NAV/CCQ thấp nhất 52 tuần (VND)	5.359	5.433	8.312	7.582	8.193
Chi phí (%)	2,4	2,3	2,30	2,40	1,90
Vòng quay danh mục đầu tư (%)	44,2	43,2	64,9	82,2	38,5
Tăng trưởng lũy kế từ khi hoạt động (%)	(13,8)	(24,9)	11,7	27,0	(14,7)
VN-Index	(39,0)	(48,2)	(28,5)	(27,0)	(53,5)
HNX-Index	(75,4)	(74,7)	(50,8)	(27,6)	(54,8)
	1 năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm
Tăng trưởng lũy kế (%) (****)	20,2	(27,8)	(38,1)	1,4	(17,2)
VN-Index	17,7	(14,6)	(16,4)	31,1	(39,0)
HNX-Index	(2,8)	(50,0)	(66,1)	(45,7)	(75,4)
Tăng trưởng bình quân (%) (****)	20,2	(15,0)	(17,3)	(47,2)	(8,2)
VN-Index	17,7	(7,6)	(5,8)	7,0	(9,7)
HNX-Index	(2,8)	(29,3)	(30,2)	(14,2)	(25,2)

Ghi chú:

(*) Không bao gồm cổ tức 1.000 đ/CCQ đã chia trong năm 2009

(**) Không bao gồm cổ tức 1.000 đ/CCQ đã chia trong năm 2010

(***) Vì thời gian hoạt động của Quỹ đầu tư VF4 không đủ 12 tháng (Quỹ bắt đầu hoạt động ngày 28/02/2008) nên tăng trưởng năm 2008 là tăng trưởng bình quân của 10 tháng hoạt động

(****) Không bao gồm cổ tức đã chia

UPCOM : Thị trường giao dịch chứng khoán của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết |
HNX-Index : Chỉ số HNX-Index | VN-Index : Chỉ số VN-Index | TMCP : Thương mại cổ phần | Tp.HCM : Thành phố Hồ Chí Minh |
TTCK : Thị trường chứng khoán | GDCK Hà Nội/ HNX : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội |
SGDCK Tp.HCM/ HSX : Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM |
Tiền mặt: Bao gồm tiền mặt khả dụng cộng các khoản phải thu trừ cho các khoản phải trả |

MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2012

Môi trường đầu tư chung và thị trường chứng khoán nói riêng bị tác động mạnh bởi các biến động kinh tế vĩ mô trong năm 2012, được xem là đặc biệt khó khăn đối với các doanh nghiệp. Các vấn đề liên quan tới nợ xấu của hệ thống ngân hàng, đồng bằng thị trường bất động sản, và thắt chặt tiền tệ để kiểm chế lạm phát là các vấn đề nổi bật trong năm.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 2012 tăng 5,03% so với 2011, thấp nhất trong 12 năm gần đây và thấp hơn tăng trưởng của năm 2009 khi khủng hoảng toàn cầu và các khó khăn nội tại cùng ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế. Sản xuất công nghiệp tăng chậm lại so với 2011, với chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 4,8% so với 6,8% của năm 2011. Bên cạnh đó, chỉ số PMI công nghiệp Việt Nam do HSBC công bố luôn ở mức dưới 50, cho thấy sản xuất công nghiệp luôn trong tình trạng thu hẹp trong 11 tháng của năm. Tình trạng này phản ánh sự suy giảm của nhu cầu trong nước cũng như khó khăn của xuất khẩu, đặc biệt xuất khẩu qua Trung Quốc và Châu Âu.

Đầu tư trong 2012 bằng 33,5% GDP, thấp hơn mức 34,6% của 2011. Đầu tư toàn xã hội trong năm chỉ tăng 7% và nếu điều chỉnh yếu tố tăng giá, sẽ thấp hơn đầu tư của 2011. Một số doanh nghiệp niêm yết lớn như Hòa Phát (HPG), FPT, Xây Lắp Dầu Khí (PVX) bị ảnh hưởng trực tiếp bởi xu hướng cắt giảm đầu tư, đặc biệt từ khu vực nhà nước và ngân sách nhà nước.

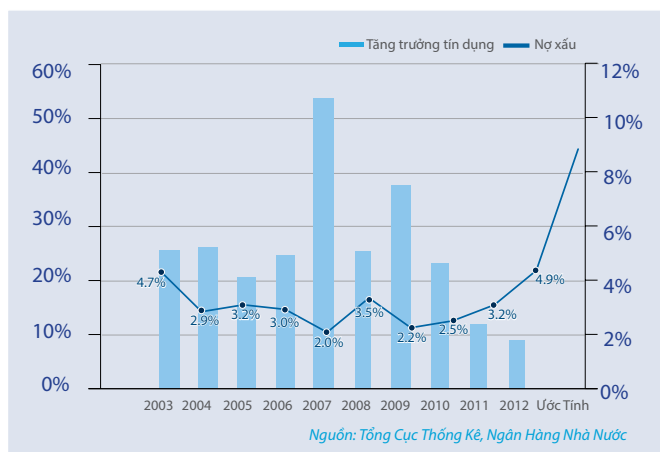
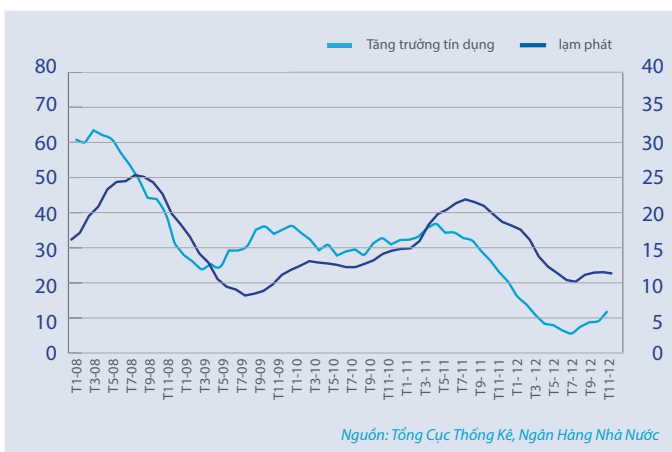
Nợ xấu của ngành ngân hàng nổi lên như một gánh nặng đối với tăng trưởng kinh tế và thị trường cổ phiếu. Lần đầu tiên, Ngân hàng Nhà nước chính thức thừa nhận nợ xấu có thể lên đến gần 10%, so với mức báo cáo chính thức khoảng 4,7% và nợ xấu trở đã thành vấn đề lớn nhất của hệ thống ngân hàng. Tình trạng này không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến an toàn hệ thống và tình hình tài chính của các ngân hàng mà còn làm suy giảm tín dụng cung cấp cho nền kinh tế trong khi các doanh nghiệp có nhu

cầu về vốn không tiếp cận được với tín dụng. Tăng trưởng tín dụng của cả năm 2012 chỉ đạt 8,91% so với mức vốn đã thấp của năm 2011 (10,9%).

Lạm phát tăng chậm lại trong năm 2012, đặc biệt giảm trong những tháng giữa và cuối năm, với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) ở mức 6,81%, so với 18,13% của năm 2011. Điều này một phần nhờ vào điều hành chính sách vĩ mô của Chính Phủ và phần nào phản ánh sự suy giảm của tiêu dùng. Theo đó, giá trị bán lẻ chỉ tăng 16% so với 24,2% của năm 2011. Tuy nhiên, nếu loại trừ lạm phát, giá trị bán lẻ chỉ tăng 6,2%. Tuy nhiên, trong điều kiện đó, nhóm các công ty thuộc nhóm ngành thực phẩm và hàng tiêu dùng niêm yết như Vinamilk (VNM), Masan (MSN) hay vật liệu nông nghiệp như Đạm Phú Mỹ (DPM), Cao Su Đồng Phú (DPR) vẫn duy trì kết quả kinh doanh khả quan.

Bất động sản tiếp tục một năm ảm đạm với nhiều thách thức và khó khăn nhiều hơn. Các công ty trong ngành tiếp tục gánh chịu tình trạng hàng tồn kho cao và áp lực giảm giá bán trong khi nguồn tín dụng hạn chế và lãi vay đè nặng. Điều kiện thị trường xấu ảnh hưởng mạnh đến khả năng bán hàng, lợi nhuận, và dòng tiền của các công ty bất động sản niêm yết như Hoàng Anh Gia Lai (HAG), Phát Triển Đô Thị Từ Liêm (NTL), Đầu Tư Xây Dựng Bình Chánh (BCI) cũng như các công ty xây dựng như Hòa Bình (HBC), Coteccons (CTD).

Điểm sáng xuất siêu của năm chủ yếu đến từ giảm nhập khẩu máy móc, nguyên liệu, và hàng tiêu dùng khi sản xuất thu hẹp và tiêu thụ yếu. Nhập khẩu chỉ tăng 7,1% so với mức tăng 24,7% trong 2011 trong khi xuất khẩu tăng 18,3%. Giá trị xuất siêu khoảng 300 triệu Đô-la Mỹ, tiếp tục chuỗi cải thiện cán cân thương mại từ 2007. Nhờ đó, tỷ giá và thị trường ngoại hối trải qua một năm ổn định và dự trữ ngoại hối tăng, đạt khoảng 24 tỷ Đô-la Mỹ.



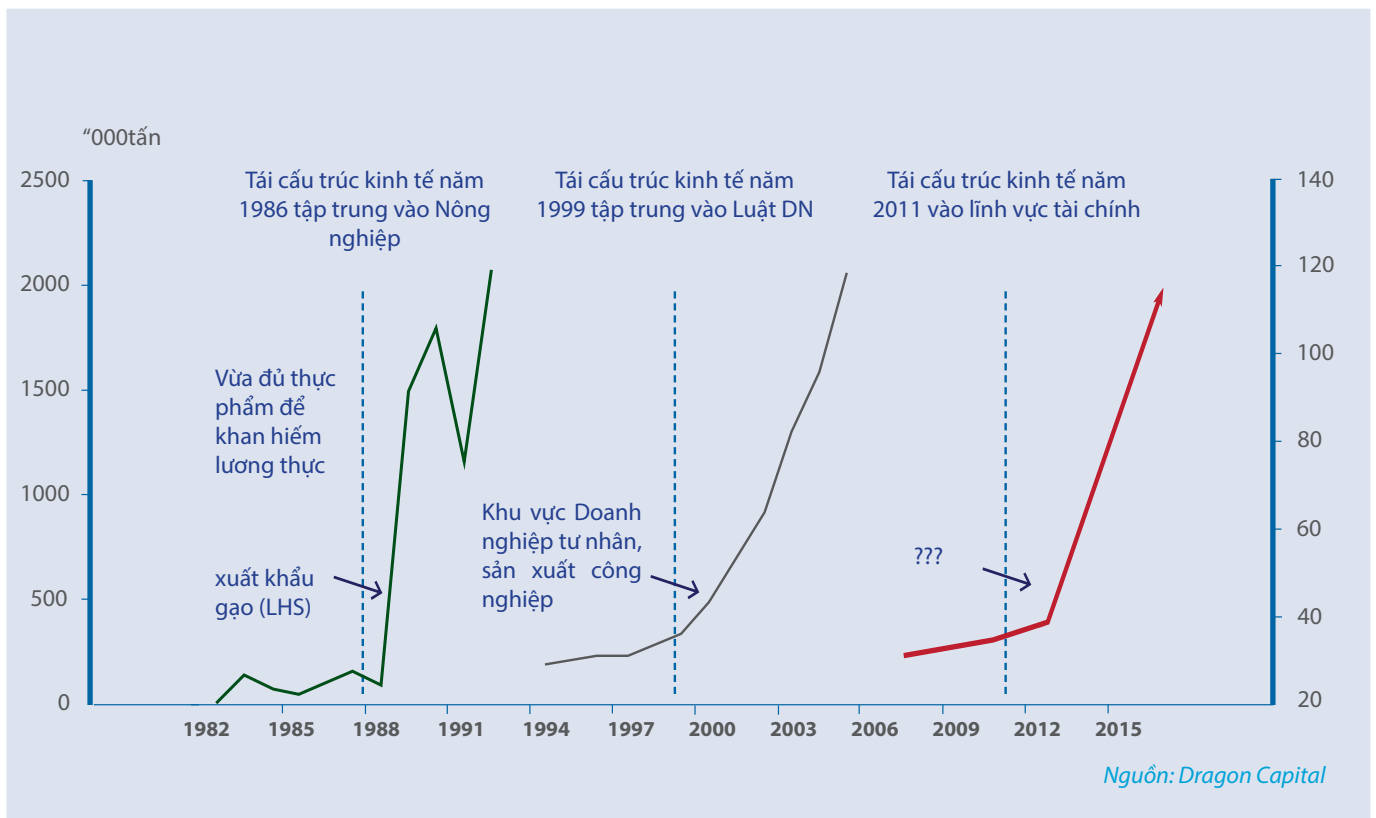
TRIỂN VỌNG 2013

Năm 2013 được đánh giá sẽ tiếp tục thử thách các nhà quản lý vĩ mô, các doanh nghiệp, và tăng trưởng của thị trường chứng khoán. Tăng trưởng kinh tế được dự báo ở mức thấp 5%-5,5%, lạm phát ở mức 7%-8%, trong khi những thay đổi cấu trúc chưa định hình. Chúng ta cần thêm thời gian để giải quyết các vấn đề lớn như nợ xấu ngân hàng, tình trạng đóng băng của bất động sản, hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, thất nghiệp, và tình trạng suy giảm niềm tin của doanh nghiệp và người tiêu dùng. Thị trường mong đợi và đang chứng kiến hàng loạt các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong những tháng đầu của năm. Các nhận định đều cho thấy tình hình kinh tế vĩ mô sẽ có sự ổn định đáng kể trong năm 2013 khi các vấn đề có tác động xấu đều được xác định và đang được giải quyết với nỗ lực cao nhất. Các điểm sáng của năm 2012 sẽ được tiếp tục duy trì trong năm 2013, cụ thể là cán cân thương mại, đầu tư trực tiếp nước ngoài, dự trữ ngoại tệ, kiều hối, và kiểm soát lạm phát. Việc các doanh nghiệp tiếp cận được với tín dụng từ cuối 2012 là tiền đề cho việc phục hồi sản xuất và kinh doanh.

Nếu các nỗ lực tái cấu trúc được thực hiện thành công, nền kinh tế có nhiều khả năng đi vào giai đoạn tăng trưởng mạnh trở lại, bắt đầu một chu kỳ phát triển mới từ năm 2014. Lịch sử cho thấy nền kinh tế Việt Nam có sự tăng trưởng khả quan sau các lần tái cơ cấu kể từ năm 1986 trở lại đây.

Trong điều kiện đó, các doanh nghiệp trong ngành thực phẩm và nước giải khát, vật liệu nông nghiệp, và năng lượng có thể tiếp tục tỏa sáng trong khi các doanh nghiệp bất động sản và xây dựng có thể tiếp tục đối mặt với khó khăn khi tình trạng đóng băng của ngành kéo dài. Ngành ngân hàng tiếp tục đối mặt với rủi ro nợ xấu và tái cấu trúc. Bên cạnh đó, môi trường kinh doanh và đầu tư 2013 tiếp tục ủng hộ các doanh nghiệp y tế và dược phẩm, giáo dục, tiện ích công cộng, và hạ tầng.

Theo đó, năm 2013 có thể là khởi đầu của một chu kỳ tăng trưởng mới của thị trường chứng khoán, một khi tiến trình tái cấu trúc đi đúng hướng, niềm tin được phục hồi, và nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài quay trở lại mạnh hơn.





Ông TRẦN THANH TÂN

Tổng Giám Đốc Công ty Quản lý Quỹ VFM

Trong năm qua, đối với hoạt động các quỹ của do công ty VFM quản lý, với chiến lược đảm bảo mục tiêu bảo toàn giá trị hiện có, công ty VFM liên tục chủ động thực hiện việc tái cơ cấu danh mục các quỹ, nghiên cứu và ứng dụng các mô hình đầu tư hiệu quả để đón đầu các cơ hội phục hồi của thị trường.



PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY VFM

Kính thưa Quý nhà đầu tư,

10 năm thành lập và hoạt động song hành cùng với sự phát triển của thị trường tài chính chứng khoán Việt Nam, công ty VFM đã luôn nỗ lực tiên phong cho ra đời các sản phẩm quỹ và dịch vụ phù hợp với nhu cầu đầu tư, điển hình là các quỹ đại chúng - Quỹ đầu tư VF1, VF4, VFA được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM với sự tham gia của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Trước những thăng trầm của thị trường, trong những năm qua với chiến lược đảm bảo mục tiêu bảo toàn giá trị quỹ và năng động tìm kiếm các cơ hội đầu tư, công ty VFM liên tục chủ động thực hiện việc tái cơ cấu danh mục các quỹ, nghiên cứu và ứng dụng các mô hình đầu tư hiệu quả để đón đầu các cơ hội phục hồi của thị trường. Với những tín hiệu khởi sắc vào đầu năm 2013 từ thị trường và sự phục hồi từ niềm tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, chúng tôi tin rằng hoạt động các quỹ sẽ đạt được những kết quả khả quan.

Chuẩn bị cho giai đoạn phát triển mới, công ty VFM đã chủ động triển khai các dự án đón đầu các dòng sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu đầu tư đa dạng của thị trường. Khung pháp lý cho hoạt động của quỹ mở ra đời đã giúp công ty VFM tìm được hướng đi tối ưu cho các quỹ đóng hiện tại, đó là chuyển đổi sang hình thức quỹ mở để khắc phục những điểm yếu của quỹ đóng và mở ra một giai đoạn phát triển mới cho những sản phẩm mang tính kỹ thuật cao.

Hiện nay, công ty VFM đang tích cực phối hợp với các đối tác cung cấp dịch vụ, bao gồm các nhà phân phối, ngân hàng cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát và đại lý chuyển nhượng để tạo nền tảng vững chắc cho việc sớm ra mắt các quỹ mở như Quỹ trái phiếu, Quỹ ETF, Quỹ hỗ trợ nhân sự...

Những giải pháp tích cực của chính phủ, các cơ quan ban ngành giúp thị trường phát triển bền vững, tạo tiền đề cho ngành quản lý quỹ phát triển với sự đầu tư kỹ lưỡng về chất trong từng sản phẩm. Sự chia sẻ, đồng hành, ủng hộ nhiệt tình từ quý nhà đầu tư chính là sức mạnh, động lực lớn giúp chúng tôi mạnh dạn bước sang giai đoạn phát triển mới.

Trân trọng



Trần Thanh Tân

Tổng Giám Đốc



Ông ĐẶNG THÁI NGUYỄN

Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

Nắm bắt được tình hình của nền kinh tế, Ban Đại diện và Ban điều hành Quỹ đầu tư VF4 đã định hướng để quỹ tiếp tục tập trung vào việc duy trì mục tiêu tăng trưởng và ổn định danh mục.



PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN

Kính thưa Quý nhà đầu tư,

Những diễn biến trái chiều của thị trường chứng khoán năm 2012 đã thể hiện khá rõ bức tranh tổng thể của kinh tế Việt Nam. Những phục hồi ngắn của TTCK vào đầu năm 2012 đã không duy trì được khi những bất ổn của kinh tế vĩ mô tiếp tục được bộc lộ, vấn đề nợ xấu của ngân hàng không đủ sức hấp dẫn dòng tiền đầu tư và tính thanh khoản của thị trường bị ảnh hưởng đáng kể.

Nắm bắt được tình hình của nền kinh tế, Ban Đại diện và Ban điều hành Quỹ đầu tư VF4 đã định hướng để quỹ tiếp tục tập trung vào việc duy trì mục tiêu tăng trưởng và ổn định danh mục. Với chiến lược đầu tư giá trị, Quỹ tích cực tìm kiếm các cổ phiếu có hoạt động tốt và tăng trưởng ổn định mà hiện đang bị định giá thấp để tạo một danh mục với cơ hội phục hồi và tăng trưởng nhanh khi thị trường chuyển mình. Chiến lược này đã giúp tổng giá trị tài sản ròng năm 2012 tăng 20,2% so với năm 2011.

Năm 2013 được dự báo là năm bản lề trong việc xử lý những bất ổn trong lĩnh vực ngân hàng, tăng trưởng kinh tế từng bước phục hồi, lạm phát tiếp tục ổn định để từ đó khôi phục niềm tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, thu hút họ quan tâm và tham gia thị trường, cải thiện hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Chúng tôi tin tưởng rằng với sự phục hồi của nền kinh tế vĩ mô và của các doanh nghiệp hàng đầu, Quỹ đầu tư VF4 sẽ đạt mục tiêu với danh mục các cổ phiếu giá trị cao từ hoạt động cốt lõi của các doanh nghiệp.

Chúng tôi rất mong Quý nhà đầu tư tiếp tục ủng hộ và đồng hành cùng Quỹ đầu tư VF4 vượt qua những giai đoạn thử thách của thị trường, hướng tới mục tiêu tăng trưởng trong dài hạn.

Trân trọng,



Đặng Thái Nguyên

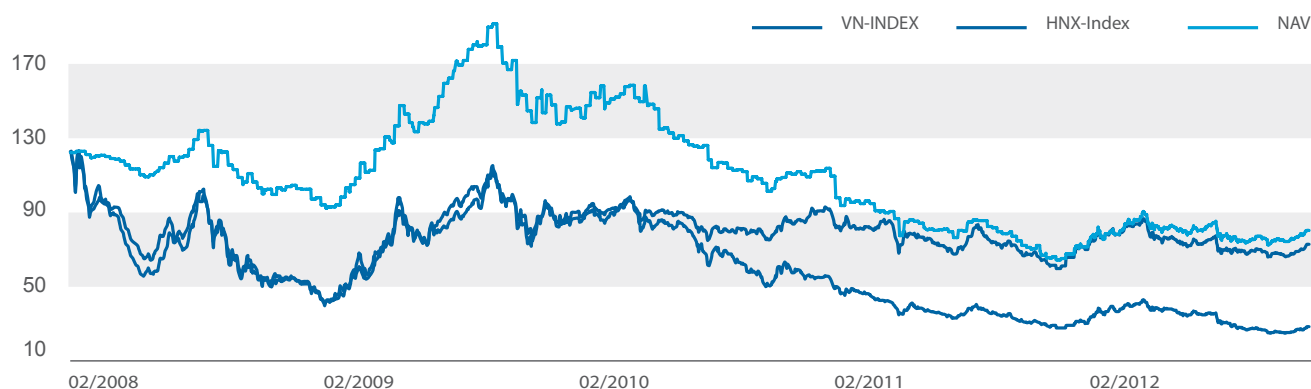
Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ



Tình hình hoạt động của Quỹ

BÁO CÁO NAV

Tăng trưởng lũy kế từ khi hoạt động (28/02/2008 = 100)



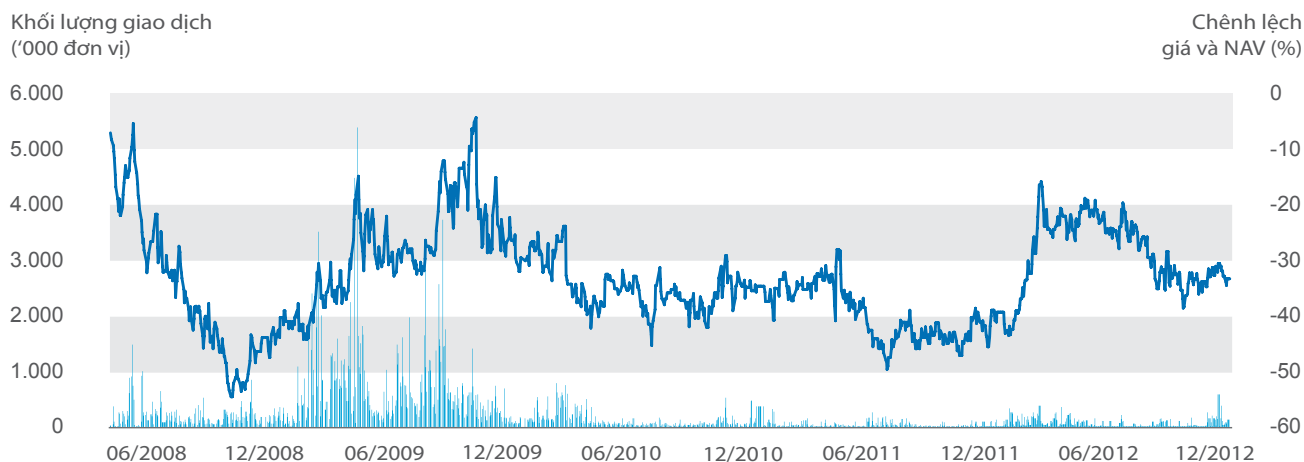
Tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đầu tư VF4 tại ngày 31/12/2012 là 533,9 tỷ đồng, tương ứng 6.621 đồng/CCQ, tăng 20,2% trong năm 2012.

Trong năm 2012, chỉ số VN-Index và VN30 lần lượt tăng 17,7% và 24,9% trong khi chỉ số HNX-Index giảm 2,8%. Các chỉ số thị trường trong năm 2012 đã phản ánh rõ nét sự phân hóa mạnh mẽ giữa các cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Các doanh

nh nghiệp duy trì được hoạt động tốt thì có giá cổ phiếu tăng trưởng mạnh, ngược lại những doanh nghiệp chịu ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế thì giá cổ phiếu đó tiếp tục suy giảm.

Từ khi thành lập Quỹ (tháng 2/2008) đến cuối năm 2012, NAV của Quỹ ghi nhận sụt giảm 13,8% (bao gồm 2 đợt cổ tức đã chia trong năm 2009 và 2010) trong khi VN-Index và HNX-Index lại giảm tương ứng 39% và 75,4% trong cùng kỳ.

Khoảng cách giữa NAV & Giá thị trường (%)



Trong năm 2012, giá thị trường của CCQ VF4 được giao dịch ở mức chiết khấu so với NAV từ 16,0% đến 45,9%. Bình quân giá chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4 thấp hơn giá trị tài sản ròng 29,2%.

Khối lượng giao dịch CCQ VF4 trên thị trường năm 2012 đạt khoảng 70.000 chứng chỉ quỹ/ngày, cao hơn gần 50% so với mức

bình quân khoảng 47.000 chứng chỉ quỹ/ngày trong năm 2011. Thanh khoản chứng chỉ Quỹ đầu tư VF4 được cải thiện hơn trong năm 2012, đặc biệt vào tháng cuối cùng của năm 2012, khi thị trường chứng khoán có mức hồi phục chung cả về chỉ số lẫn tính thanh khoản giao dịch.

DANH MỤC ĐẦU TƯ

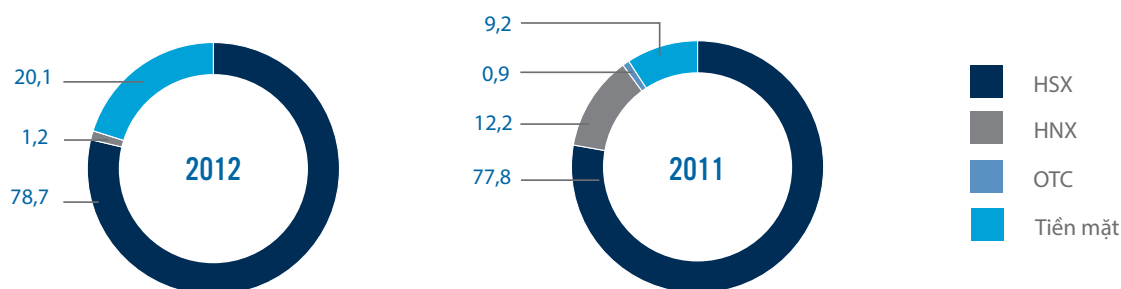
Chiến lược phân bổ tài sản

Đại hội Nhà đầu tư Thường niên năm 2011 đã thông qua kế hoạch hoạt động năm 2012, theo đó, Quỹ đầu tư VF4 tập trung xây dựng danh mục đầu tư dựa trên các định hướng lớn sau đây:

- Tập trung vào mục tiêu tăng trưởng và ổn định danh mục.
- Tiếp tục theo đuổi chiến lược đầu tư giá trị bằng cách tìm kiếm các cổ phiếu có hoạt động chính tốt và tăng trưởng ổn định đang bị định giá thấp hơn giá trị nội tại (undervalued) để danh mục có cơ hội phục hồi và tăng trưởng nhanh trong giai đoạn thị trường hồi phục.
- Tăng cường tính thanh khoản của danh mục, ưu tiên các cổ phiếu đại diện về giá trị vốn hóa cũng như thanh khoản của thị trường, tận dụng cơ hội thị trường phục hồi để thanh lý các khoản đầu tư kém thanh khoản.
- Với tiền mặt khả dụng trong năm, tận dụng tối đa các công cụ thị trường tiền tệ đem lại hiệu quả cao nhất. Trường hợp Đại hội Nhà đầu tư thông qua phương án chuyển đổi Quỹ đầu tư VF4 sang hình thức Quỹ mở, tiền mặt khả dụng sẽ được duy trì ở tỷ lệ an toàn và đảm bảo sẵn sàng thực hiện giao dịch chứng chỉ Quỹ trực tiếp với nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch Quỹ mở.

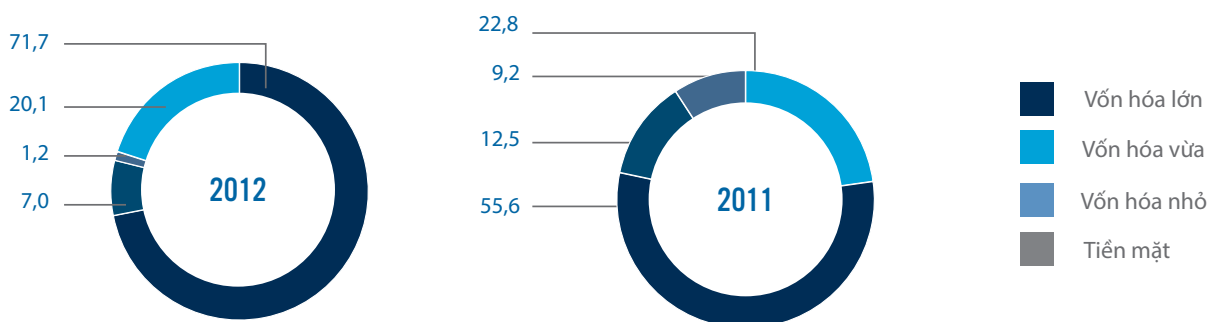
Trong năm 2012, Quỹ đầu tư VF4 đã bám sát định hướng đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, tiếp nối chiến lược đầu tư đã thực hiện trong năm 2011 và đã đem lại kết quả khả quan trong năm 2012.

Cơ cấu danh mục đầu tư theo sàn giao dịch (% NAV)



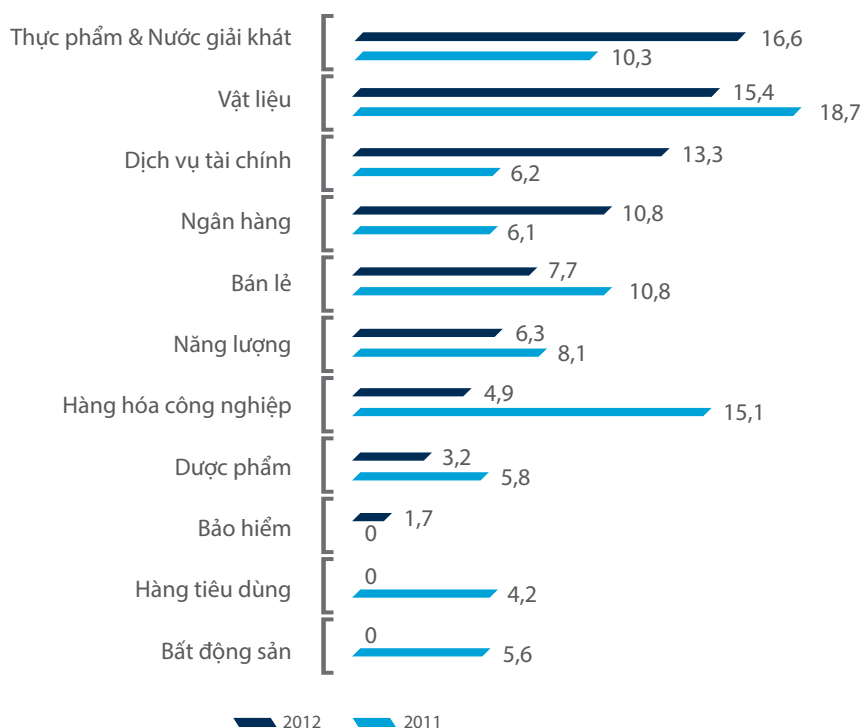
Cơ cấu tài sản của Quỹ đã bám sát chiến lược phân bổ tài sản đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua đầu năm. Trong đó, phân bổ tài sản của Quỹ đã tiếp tục chuyển dịch tập trung nhiều hơn vào cổ phiếu có vốn hóa lớn và niêm yết trên sàn HSX. Hầu hết các tài sản có thanh khoản kém, vốn hóa nhỏ đã được thanh lý vào các đợt thị trường có tăng trưởng. Tính thanh khoản và tính đại diện của danh mục do đó cũng tăng thêm. Cụ thể đến thời điểm cuối năm 2012, phân bổ tài sản của Quỹ phân loại theo sàn giao dịch bao gồm 78,7% NAV là cổ phiếu trên sàn HSX (2011: 77,8%) và chỉ có 1,2% NAV là cổ phiếu trên sàn HNX (2011: 12,2%). Cuối năm 2012, danh mục Quỹ cũng không còn cổ phiếu chưa niêm yết (2011: 0,9% NAV)

Cơ cấu danh mục đầu tư theo mức vốn hóa (% NAV)



Xét theo quy mô vốn hóa của cổ phiếu, 71,7% NAV của danh mục Quỹ đầu tư VF4 tại ngày 31/12/2012 là cổ phiếu có vốn hóa lớn (2011: 55,6%), trong khi cổ phiếu có vốn hóa vừa còn lại 7,0% NAV (2011: 22,8%) và cổ phiếu có vốn hóa nhỏ là 1,2% NAV (2011: 12,5%). Tỷ trọng tiền mặt cuối năm 2012 là 20,1% NAV (2011: 9,2%) sẵn sàng cho các cơ hội giải ngân mới.

Cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành (% NAV)



Danh mục Quỹ đầu tư VF4 phân bổ theo ngành cũng được tập trung trong 9 ngành (2011: 10 ngành) tại thời điểm 31/12/2012 và có sự dịch chuyển nhẹ trong năm 2012 về thứ tự giữa các ngành phân bổ trong danh mục do kết quả của việc giải ngân/thanh toán trong năm cũng như do ảnh hưởng của biến động thị giá khác nhau trên thị trường.

Điển hình là ngành Thực phẩm & Nước giải khát với 16,6% NAV đã vươn lên đứng đầu trong phân bổ theo ngành (2011: 10,3% và đứng thứ tư). Đó là kết quả của việc giải ngân gia tăng tỷ trọng trong năm 2012 do được đánh giá là ngành duy trì được sự tăng trưởng tốt và việc giá cổ phiếu gia tăng ấn tượng trong cùng kỳ.

Ngành Vật liệu giảm xuống đứng thứ hai trong danh mục nhưng vẫn giữ tỷ trọng khá cao là 15,4% NAV (2011: đứng đầu với 18,7% NAV). Đây cũng là ngành duy trì mức tăng trưởng cao trong năm và đóng góp vào tăng trưởng cho danh mục VF4.

Ngành Dịch vụ tài chính và ngành Ngân hàng được giải ngân mạnh trong năm 2012 và cùng với giá cổ phiếu trong danh mục tăng trưởng khá, đến cuối năm 2012, tỷ trọng của các ngành này đã tăng gấp đôi và lần lượt chiếm 13,3% NAV và 10,8% NAV (2011: 6,2% và 6,1%).

Ngành Bán lẻ và Năng lượng giảm nhẹ tỷ trọng trong năm do tinh giảm số lượng cổ phiếu. Đến cuối năm 2012, tỷ trọng các ngành này lần lượt chiếm 7,7% NAV và 6,3% NAV (2011: 10,8% và 8,1%).

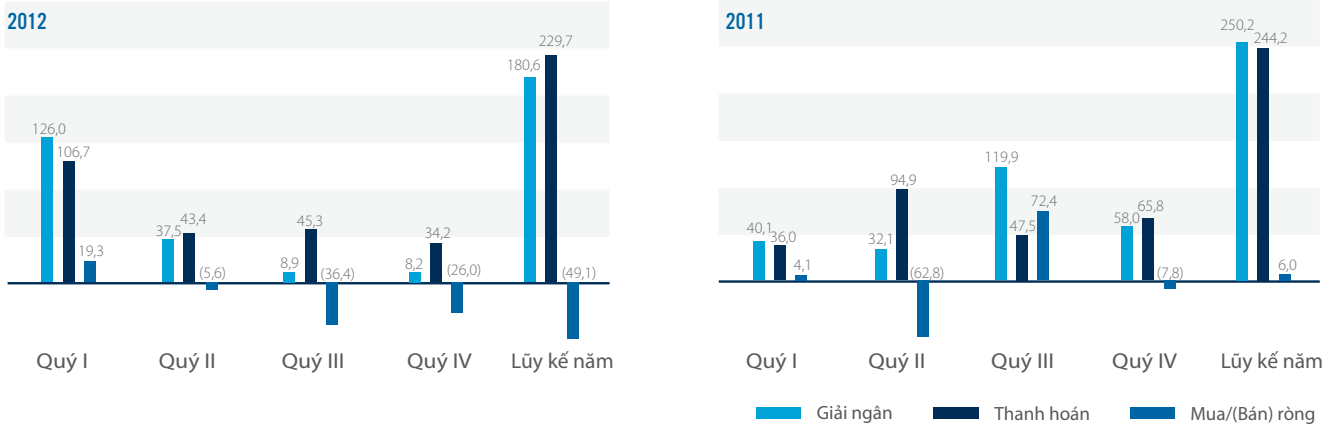
Ngành Hàng hóa công nghiệp được thanh lý mạnh trong năm 2012 nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực khi kết quả hoạt động và thị giá cổ phiếu thuộc ngành này chịu ảnh hưởng xấu trong giai đoạn kinh tế khó khăn. Kết quả là tỷ trọng phân bổ vào ngành Hàng hóa công nghiệp giảm xuống còn 4,9% NAV cuối năm 2012 (2011: 15,1%).

Tương tự, ngành Bất động sản và Hàng tiêu dùng cũng đã tiếp tục được thanh lý toàn bộ trong năm 2012 và hiện danh mục Quỹ chưa phân bổ thêm do triển vọng tăng trưởng của các ngành này được đánh giá chưa có dấu hiệu khả quan hơn.

Các ngành có tỷ trọng nhỏ hơn như ngành Dược phẩm vẫn duy trì 3,2% NAV và ngành Bảo hiểm được đầu tư mới trong năm và chiếm 1,7% NAV tập trung vào các cổ phiếu đứng đầu ngành và làm tăng tính đa dạng cho danh mục đầu tư của Quỹ.

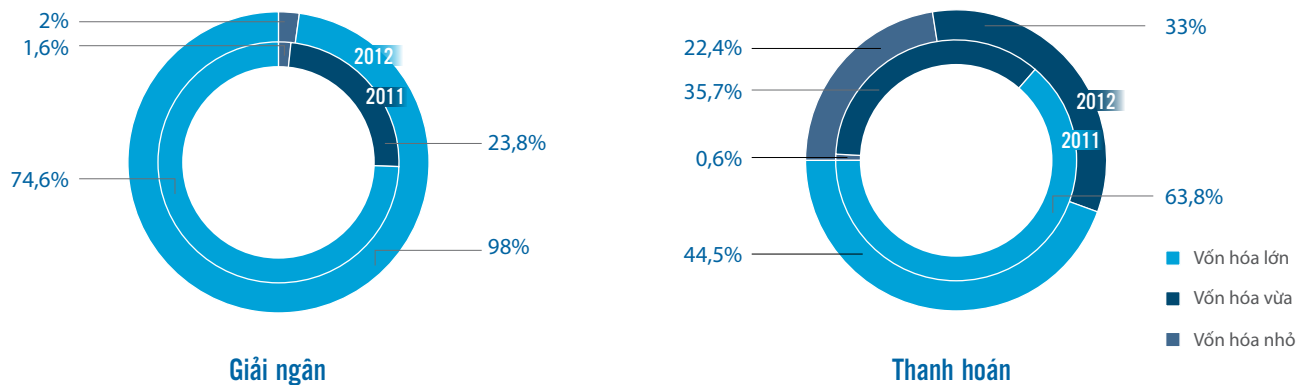
TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN - THANH HOÁN

Quy mô giải ngân - thanh toán (tỷ đồng)

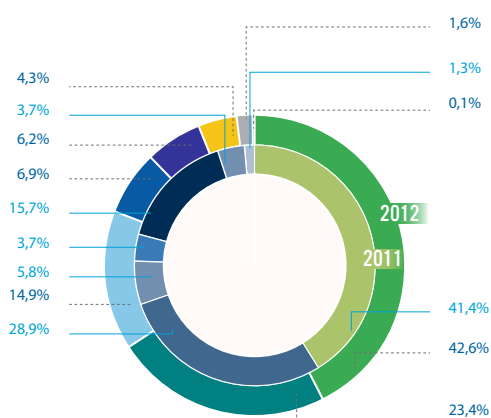


Quy mô giải ngân và thanh toán trong năm 2012 của Quỹ đầu tư VF4 giảm nhẹ so với năm 2011. Tổng giá trị giải ngân đạt 180,6 tỷ đồng, giảm 28% so với năm 2011 trong khi tổng giá trị thanh toán đạt 229,7 tỷ đồng, giảm gần 6%. Giá trị giải ngân và thanh toán tập trung nhiều nhất trong 6 tháng đầu năm, khi thị trường chứng khoán giao dịch sôi động nhất và có sức tăng mạnh. Đây là thời gian Quỹ thực hiện tái cơ cấu danh mục theo chiến lược phân bổ tài sản của năm. Sang đến 6 tháng cuối năm, hai sàn HSX và HNX đều có thanh khoản thấp và suy giảm, nên Quỹ đã hạn chế giao dịch và chỉ tập trung bán các tài sản trong danh mục thanh lý.

Cơ cấu giải ngân - thanh toán (%)

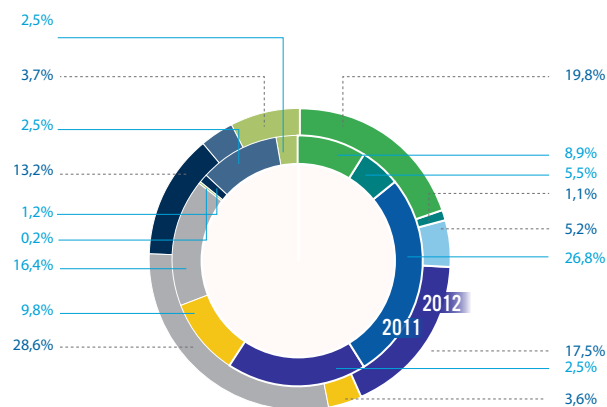


Hoạt động giải ngân và thanh toán trong năm chủ yếu nhằm mục đích tái cơ cấu danh mục theo chiến lược đầu tư của Quỹ. Theo đó, giá trị giải ngân tập trung nhiều vào cổ phiếu có vốn hóa lớn và cổ phiếu tăng trưởng, còn giá trị thanh toán phần lớn vào cổ phiếu có vốn hóa vừa và nhỏ và cổ phiếu có tính chu kỳ.



Giải ngân

- Ngân hàng
- Hàng hóa công nghiệp
- Dịch vụ tài chính
- Dược phẩm
- Bảo hiểm
- Bất động sản



Thanh toán

- Thực phẩm & NGK
- Năng lượng
- Vật liệu
- Hàng tiêu dùng
- Bán lẻ
- Vận tải

Cơ cấu giao dịch theo ngành cũng phản ánh xu hướng tái cơ cấu danh mục của Quỹ. Cụ thể, giá trị giải ngân lớn nhất là cổ phiếu thuộc ngành Ngân hàng, Dịch vụ tài chính, Bảo hiểm, Thực phẩm & Nước giải khát, Vật liệu và Bán lẻ. Cổ phiếu được giải ngân trong các ngành này là các cổ phiếu vốn hóa lớn, đứng đầu ngành, duy trì kết quả kinh doanh tốt và có giá cổ phiếu tăng trưởng khá.

Trong khi đó, giá trị thanh toán chủ yếu tập trung vào các cổ phiếu thuộc ngành Hàng hóa công nghiệp, Bất động sản, Hàng tiêu dùng nhằm loại bỏ các cổ phiếu có kết quả không tốt ra khỏi danh mục của Quỹ. Ngoài ra, giá trị thanh toán cũng bao gồm việc thực hiện giao dịch mua/bán ngắn hạn (trading) hưởng chênh lệch bằng cách tận dụng các cơ hội thị trường có giao động như các cổ phiếu thuộc ngành Ngân hàng, Bảo hiểm, Vật liệu.

Do cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư VF4 chủ yếu là các cổ phiếu trên sàn HSX, nên cơ cấu giải ngân - thanh toán phân theo sàn giao dịch cũng chủ yếu tập trung trên HSX. Riêng cổ phiếu trên sàn HNX nằm trong danh mục thanh lý toàn bộ nên chiếm khoảng ¼ giá trị thanh toán trong năm 2012.

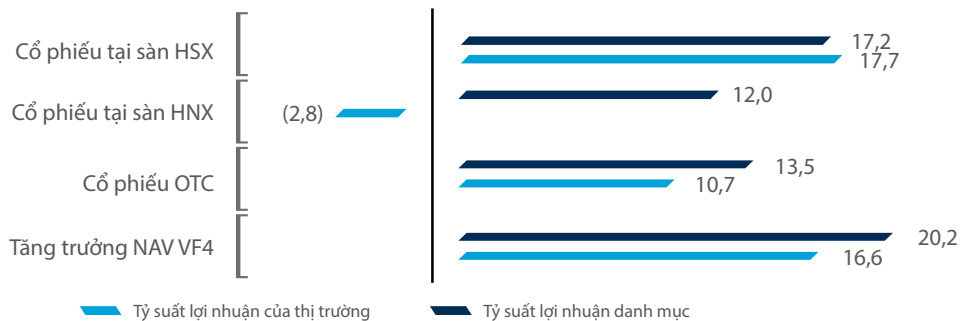
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)

Nội dung	2012	2011	2010	2009	2008	Lũy kế từ khi hoạt động
Chênh lệch giá cổ phiếu thực hiện	(108,7)	(115,1)	33,3	149,5	(71,1)	(112,1)
Thu nhập khác			1,4			1,4
Chênh lệch giá cổ phiếu chưa thực hiện	180,9	(196,4)	(161,4)	184,6	(101,8)	(94,1)
Cổ tức	25,6	24,2	21,6	15,7	11,2	98,3
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	97,8	(287,3)	(105,1)	349,8	(161,7)	(106,5)
Lãi ngân hàng	4,7	4,9	2,0	9,9	57,5	79,0
Chi phí	13,0	12,8	20,1	23,2	14,6	83,7
Lợi nhuận (Lỗ) ròng	89,5	(295,2)	(123,2)	336,5	(118,8)	(111,2)

Năm 2012, Quỹ đầu tư VF4 ghi nhận mức lãi ròng 89,5 tỷ đồng sau khi trừ các chi phí. Mức lãi từ hoạt động đầu tư là 97,8 tỷ đồng, bao gồm mức lãi từ đánh giá lại giá các cổ phiếu vào thời điểm cuối năm là 180,9 tỷ đồng và khoản lỗ thực hiện do thanh lý trong năm là 108,7 tỷ đồng.

Tỷ suất lợi nhuận đầu tư của danh mục theo loại tài sản (%)

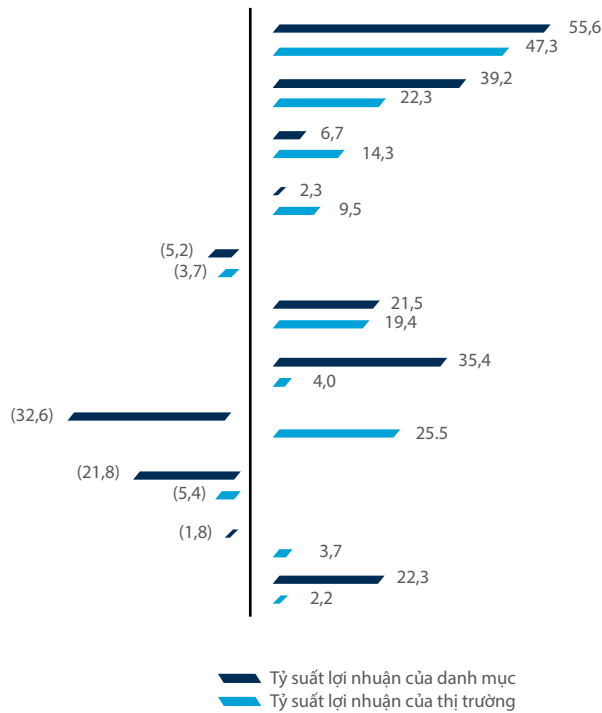


Trong năm 2012, thị trường chứng khoán Việt Nam đã phản ánh thực trạng chung rõ nét của nền kinh tế vĩ mô. Lúc thị trường có đợt tăng trưởng mạnh đồng loạt trong Quý I và Quý II thì đó là khi thị trường đón nhận những tin tức tốt cho thấy nền kinh tế đã bước đầu ổn định trở lại và các chính sách kinh tế vĩ mô đã phát huy tác dụng ban đầu. Tuy nhiên, đến Quý III và Quý IV, khi sự hồi phục của các công ty có sự phân hóa mạnh mẽ và dần được phản ánh trong kết quả hoạt động kinh doanh, thị trường chứng khoán cũng đi vào giai đoạn điều chỉnh và tạo sự khác biệt trong tăng trưởng về thị giá giữa các cổ phiếu có kết quả tốt và không tốt.

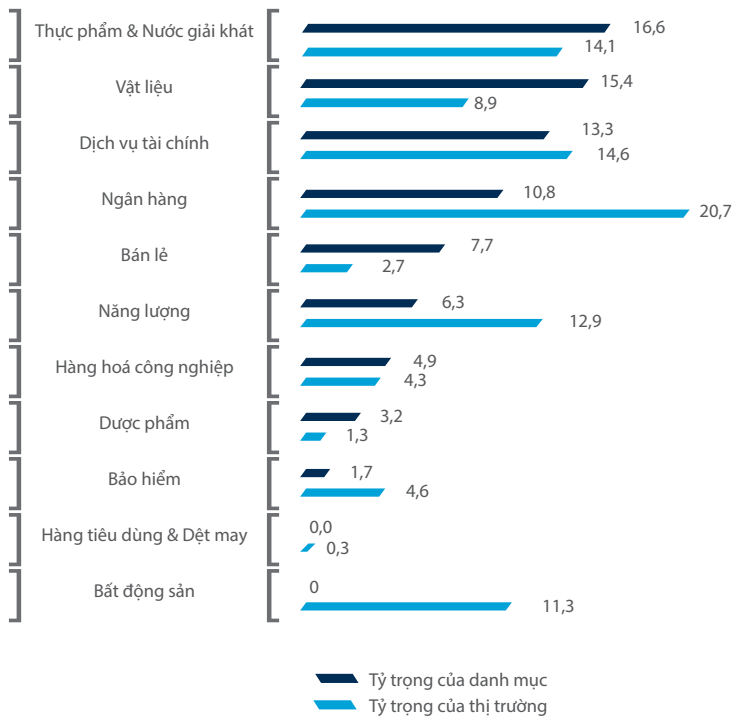
Điển hình là tới cuối năm 2012, trong khi chỉ số HSX giữ được mức tăng trưởng 17,7% và phần lớn các cổ phiếu đầu ngành, có vốn hóa lớn và vừa đều có mức tăng trưởng cao, thì chỉ số HNX lại suy giảm 2,8% và phần lớn các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ, hoạt động kém hiệu quả đều bị giảm giá so với đầu năm.

Trong bối cảnh đó, với chiến lược đầu tư đúng đắn của Quỹ là tập trung danh mục vào các cổ phiếu vốn hóa lớn, đứng đầu ngành, có kết quả kinh doanh tốt, có thanh khoản cao đã phát huy hiệu quả. Danh mục cổ phiếu trên sàn HSX bám sát thị trường và có mức tăng 17,2%, trong khi danh mục cổ phiếu trên sàn HNX lại duy trì được mức tăng trưởng 12%. Danh mục OTC của Quỹ sau khi niêm yết trên HSX đã có tăng trưởng 13,5%. Các danh mục tăng trưởng đóng góp vào sự tăng trưởng chung của NAV VF4 trong năm 2012 là 20,2%.

**Tỷ suất lợi nhuận đầu tư
của danh mục theo ngành (%)**



**Phân bổ tài sản theo ngành
so với thị trường (%)**



Do tính đại diện cao của danh mục Quỹ đầu tư VF4, tính cả năm 2012, các ngành Thực phẩm, Năng lượng, Vật liệu, Hàng hóa công nghiệp và Bất động sản đều là các ngành có mức tăng trưởng cao hơn thị trường. Trong đó ngành Thực phẩm & Nước giải khát và ngành Vật liệu với mức tăng lần lượt 55,6% và 39,2% đã đóng góp nhiều nhất vào trong tăng trưởng NAV của VF4. Ngành Năng lượng cũng có tăng trưởng khá với 21,5% trong năm và đóng góp lớn thứ 4 vào lợi nhuận của VF4.

Các ngành Bất động sản (tăng trưởng 22,3%), ngành Hàng hóa công nghiệp (tăng trưởng 35,4%), do thanh lý hết hoặc phần lớn vào thời điểm đầu năm, khi thị trường tăng mạnh, vì vậy, tỷ trọng 2 ngành này trong danh mục giảm bằng 0% hoặc còn rất thấp nên kết quả nổi bật hơn so với các cổ phiếu trong ngành tương ứng trên thị trường.

Tuy nhiên, trong năm 2012, một số ngành có tăng trưởng thấp hơn thị trường là Bảo hiểm, Dược phẩm, Dịch vụ tài chính và Bán lẻ. Đây đều là các ngành có tác dụng làm tăng tính đa dạng của danh mục đầu tư và được phân bổ với tỷ trọng không cao trong danh mục của VF4 để hưởng một phần cơ hội tăng trưởng từ các ngành này.



10 công ty đầu tư lớn nhất



Chỉ số tài chính của 10 công ty đầu tư lớn nhất

Mã GD	% NAV	Giá trị vốn hóa thị trường (VND)	Doanh Thu	Lợi Nhuận	Tăng Trưởng Doanh Thu (%)	Tăng Trưởng Lợi Nhuận (%)	Tỷ Suất Lợi Nhuận (%)	ROE (%)	P/E (x)	P/B (x)
VNM	16,6	73.350	26.561	5.819	22,8	38,0	21,9	41,6	12,6	4,7
DPM	11,6	13.516	13.321	3.019	44,4	(2,7)	22,7	35,1	4,5	1,5
FPT	7,7	9.637	25.350	1.540	(0,1)	(8,4)	6,1	26,3	6,2	1,6
MSN	6,9	70.103	10.575	2.017	49,9	(19,2)	19,1	13,5	55,5	5,0
VCB	6,3	63.034	n/a	4.409	n/a	5,1	n/a	12,4	14,2	1,5
PVD	5,3	7.881	12.093	1.317	31,3	23,4	10,9	20,0	6,0	1,1
EIB	4,5	19.398	n/a	2.138	n/a	(29,6)	n/a	13,3	9,2	1,2
HPG	3,8	8.800	16.857	1.030	(5,6)	(16,7)	6,1	13,3	8,8	1,1
REE	3,7	4.061	2.395	658	32,3	28,3	27,5	16,3	6,1	1,0
HAG	3,6	11.607	4.405	352	39,8	(69,8)	8,0	3,7	30,0	1,2

Ghi chú:
Số liệu năm 2012, thị giá tại thời điểm 31/12/2012,
đơn vị tỷ đồng trừ khi ghi chú cụ thể khác

Công Ty Sữa Việt Nam (VNM)



VINAMILK

- Công ty sữa và các sản phẩm từ sữa lớn nhất Việt Nam với hơn 200 sản phẩm thuộc bốn nhóm chính là sữa bột, sữa đặc, sữa nước, và sữa chua.
- Thị phần khoảng 55% nhờ vào 9 nhà máy chạy hết công suất 570.000 tấn và hơn 178.000 điểm bán hàng trên toàn quốc.
- Vượt mức doanh thu 01 tỷ Đô-la vào 2011, tạo tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận bình quân 33% và 42% trong 2007-2012.
- Doanh thu xuất khẩu tăng mạnh, đạt 140 triệu Đô-la vào 2011, tăng 67,4% và xuất đến 16 nước trên thế giới.
- Tiếp tục đầu tư tăng năng lực sản xuất và số lượng đàn bò từ 7.000 hiện tại lên 30.000 con vào năm 2020 với tổng đầu tư khoảng 500 triệu Đô-la.

Tổng Công Ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí (DPM)



- Nhà sản xuất và cung cấp phân ure lớn nhất Việt Nam với công suất 800.000 tấn và thị phần khoảng 40%.
- Năng lực cạnh tranh đến từ lợi thế chi phí sản xuất thấp khi các tài sản chính đã khấu hao hết.
- Vị thế tài chính mạnh với vào nguồn tiền mặt hơn 4.200 tỷ, tương đương 46% tổng tài sản.
- Đạt tăng trưởng doanh thu 29% trong giai đoạn 2007-2012 và tăng trưởng lợi nhuận 19,2% trong cùng kỳ.
- Tiềm năng tăng trưởng khi đa dạng hóa đầu tư vào các sản phẩm liên quan, tận dụng năng lực cạnh tranh hiện hữu.

Công Ty FPT (FPT)



- Một tập đoàn gồm bốn mảng hoạt động chính: viễn thông, tích hợp hệ thống, phát triển phần mềm, và phân phối điện thoại và sản phẩm IT.
- Phát triển mạnh từ một công ty thực phẩm nhỏ thành một tập đoàn với doanh thu hơn một tỷ Đô-la và 11.000 nhân viên, trong đó hơn 3.000 kỹ sư phần mềm.
- Viễn thông đem lại thu nhập chính với thị phần khoảng 13% và mức tăng trưởng doanh thu hằng năm hơn 43% trong 5 năm qua, đạt hơn 2.700 tỷ đồng vào năm 2012.
- Là nhà phân phối điện thoại và sản phẩm IT lớn nhất với hơn 1.500 đại lý tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc.
- Tham gia vào mảng bán lẻ bằng chuỗi 19 cửa hàng FPT và thêm khoảng 150 cửa hàng vào cuối năm 2014.

Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam (VCB)



- Ngân hàng có tài sản lớn thứ hai với tăng trưởng tài sản hằng năm hơn 16,1% trong 5 năm gần đây.
- Hơn 400 chi nhánh và phòng giao dịch và gần 13.000 nhân viên khắp cả nước.
- Dẫn đầu về dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ tài trợ ngoại thương.
- Luôn ở nhóm đầu các ngân hàng có hiệu quả và năng lực tài chính cao nhất.
- Được hỗ trợ về quản trị và hoạt động từ Mizuho Corporate Bank, cổ đông chiến lược nước ngoài nắm giữ 15% cổ phần.

Tập Đoàn Masan (MSN)



- Tập đoàn tư nhân có vốn hóa thị trường lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- nắm giữ 76% Masan Consumer, một công ty hàng tiêu dùng lớn; 64% Masan Resources, một công ty khai thác mỏ; và 30,8% ngân hàng Techcombank, một trong những ngân hàng tư nhân tốt nhất.
- Đứng đầu trong từng lĩnh vực kinh doanh: Massan Consumer đứng thứ 2 về doanh thu trong lĩnh vực hàng tiêu dùng, Techcombank đứng thứ 3 trong khối ngân hàng tư nhân, và Massan Resources công ty tài nguyên tư nhân lớn nhất.
- Huy động thành công hơn 1,2 tỷ Đô-la Mỹ trong 4 năm qua, có cả KKR của Mỹ.
- Tiềm năng tăng trưởng lớn nhờ mỏ khoáng sản Núi Pháo và công ty Masan Consumer, tận dụng sự đi lên của tầng lớp trung lưu Việt Nam.

Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí (PVD)



- Dẫn đầu thị trường khoan và cho thuê giàn khoan với 50% thị phần và 80% thị phần các dịch vụ liên quan đến khoan dầu.
- Vận hành bốn giàn khoan ngoài khơi, một giàn khoan đất liền, và ba giàn khoan cho thuê khác.
- Được bình chọn là nhà thầu khoan tốt nhất 2012 bởi tạp chí World Finance.
- Dòng tiền hoạt động ổn định hơn 100 triệu Đô-la từ nguồn doanh thu 500 triệu Đô-la Mỹ.
- Biên lợi nhuận được kì vọng cải thiện nhờ vào dàn khoan TAD mới đưa vào sử dụng vào đầu năm 2012.

Ngân Hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (EIB)



- Một trong những ngân hàng tư nhân đầu tiên của Việt Nam, với năng lực sinh lời và hệ số an toàn vốn cao (12,9% trong 2011).
- Với hơn 5.500 nhân viên ở 200 chi nhánh, EIB là ngân hàng có năng lực cạnh tranh mạnh đối với các dịch vụ ngân hàng quốc tế và tài trợ ngoại thương.
- Có chỉ số chi phí/thu nhập thấp nhất, khoảng 30% so với bình quân 40% của ngành.
- Tăng trưởng tài sản hằng năm 35% trong 4 năm qua, xếp hạng thứ 5 về quy mô tài sản.
- Có đối tác chiến lược nước ngoài là Sumitomo Mitsui, nắm giữ 15% vốn điều lệ.

Tập Đoàn Hòa Phát (HPG)



- Hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất thép xây dựng và các sản phẩm công nghiệp nặng khác như ống thép, máy móc xây dựng, nội thất văn phòng.
- Thị phần thứ 2 thị trường thép xây dựng trong nước với 13.3% thị phần.
- Giữ vị trí hàng đầu trong các lĩnh vực như ống thép, máy xây dựng, nội thất.
- Năng lực tài chính vững mạnh, thương hiệu có uy tín tốt tại Việt Nam.
- Đang đầu tư dây chuyền sản xuất thép số 2, nâng công suất lên 1,2 triệu tấn/năm nhằm củng cố và chiếm lĩnh thị trường thép nội địa.

Công Ty Cơ Điện Lạnh (REE)



- Hoạt động trong bốn lĩnh vực chính: điện và điện lạnh công trình, cho thuê văn phòng, sản xuất máy lạnh, và đầu tư tài chính.
- Một trong những nhà thầu hàng đầu trong lĩnh vực M&E với thương hiệu REE M&E được đánh giá cao, là nguồn thu nhập chính của công ty.
- Mảng cho thuê văn phòng phát triển mạnh với hơn 110.409 m2 sàn hạng B cho thuê với tỷ lệ lấp đầy hơn 95%.
- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn từ các khoản đầu tư chiến lược vào các công ty tiện ích (10%-35% một số công ty thủy điện, 42% BOO Thủ Đức, 5%-7% một số công ty than).
- Ổn định chính sách cổ tức bằng tiền mặt cao, khoảng 1.600 đồng/cổ phần.

Tập Đoàn Hoàng Anh Gia Lai (HAG)



- Một trong những tập đoàn tư nhân hàng đầu hoạt động trong sáu lĩnh vực bất động sản, cao su, thủy điện, khoáng sản, nội thất, mía đường, và mỏ ở Việt Nam, Lào, và Cambodia.
- Sở hữu khoảng 02 triệu m² sàn căn hộ phân khúc trung bình với chi phí đầu tư thấp.
- Được kì vọng sẽ là nhà cung cấp cao su thiên nhiên lớn nhất Việt Nam với diện tích cao su 51.000 ha.
- Có bốn nhà máy thủy điện với tổng công suất 140 MW đang vận hành và hơn 10 dự án thủy điện nhỏ khác sắp thực hiện.
- Sắp đưa vào vận hành nhà máy sản xuất đường 7.000 tấn ở Lào.



Hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ



Ông ĐẶNG THÁI NGUYỄN
Chủ tịch

*Tổng Giám đốc Công ty CP
Chứng khoán Việt*

Bà ĐỖ THỊ ĐỨC MINH
Phó Chủ tịch

*Trưởng phòng Đầu tư
NH TMCP Xăng dầu Petrolimex*



Ông Lê Hoàng Anh
Thành viên

*Giám đốc điều hành
Dragon Capital*

Ông Trần Thiên Hà
Phó Chủ tịch

*Tổng Giám đốc
CTCP Chứng khoán An Phát*



Ông Lê Trung Thành
Thành viên

*Chủ tịch HĐQT
CTCP Mía đường Lam Sơn*

Ông Huỳnh Văn Thôn
Thành viên

*Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
CTCP Bảo vệ Thực vật An Giang*



Hoạt động Ban Đại Diện Quỹ trong năm 2012



Mặc dù nền kinh tế 2012 khả quan hơn do những giải pháp tích cực từ Chính Phủ, nhưng vẫn còn rất nhiều thử thách phía trước. Trong năm qua, Ban Đại diện Quỹ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành Quỹ bảo đảm tính ổn định của Quỹ.

Tại phiên họp đầu tiên trong năm 2012 được tổ chức vào ngày 13/02/2012, các thành viên trong Ban đại diện đã cùng nhau phân tích kết quả hoạt động của Quỹ đầu tư VF4 của năm 2011, đồng thời xác định chiến lược đầu tư của quỹ trong năm mới. Ban đại diện đã định hướng hoạt động đầu tư của Quỹ đầu tư VF4 trong năm 2012 là phải chú trọng hơn nữa đến nhóm các cổ phiếu hàng đầu (blue-chips) nhằm đảm bảo tính ổn định cũng như độ an toàn cho danh mục đầu tư.

Kỳ họp tiếp theo của Ban đại diện được diễn ra trước Đại hội Nhà đầu tư năm 2011. Nội dung của buổi họp xoay quanh các

vấn đề liên quan đến chương trình tại Đại hội, trong đó vấn đề được quan tâm nhiều hơn cả chính là việc đệ trình phương án chuyển đổi Quỹ đầu tư VF4 từ dạng quỹ đóng sang dạng quỹ mở. Kết thúc buổi thảo luận, chủ trương của Ban đại diện đối với vấn đề chuyển đổi là phải bảo toàn giá trị của Quỹ cũng như quyền lợi cho Nhà đầu tư.

Buổi họp kỳ thứ ba trong năm của Ban đại diện quỹ được tổ chức vào ngày 11/05/2012, với sự tham gia của đầy đủ các thành viên trong ban và đại diện ngân hàng giám sát. Tại buổi họp, bên cạnh việc phân tích đi sâu vào danh mục đầu tư của Quỹ, các thành viên trong Ban đại diện đã cùng nhau thảo luận tình hình kinh tế vĩ mô cũng như tình hình thị trường chứng khoán nhằm đưa ra những điều chỉnh hợp lý trong việc định hướng hoạt động của Quỹ.

“Ban đại diện đã định hướng hoạt động đầu tư của Quỹ đầu tư VF4 trong năm 2012 là phải chú trọng hơn nữa đến nhóm các cổ phiếu hàng đầu (blue-chips) nhằm đảm bảo tính ổn định cũng như độ an toàn cho danh mục đầu tư.”



Kỳ họp Ban đại diện lần thứ tư diễn ra vào ngày 11/07/2012, với sự tham gia của Tiến sĩ Vũ Thành Tự Anh cùng với các thành viên trong Ban đại diện, cuộc họp chủ yếu thảo luận về các chính sách vĩ mô tác động đến nền kinh tế cũng như tình hình bất ổn của thị trường chứng khoán trong nước. Cuộc họp kết thúc với chủ trương được thống nhất là tiếp tục giữ vững tính ổn định, cũng như những giá trị mà Quỹ đầu tư VF4 đã đạt được trong điều kiện khó khăn của thị trường.

Nhằm tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ đầu tư VF4 trong Quý III/2012, các thành viên trong Ban đại diện đã tổ chức

phiên họp định kỳ cùng với sự tham gia của đại diện ngân hàng giám sát, ngoài ra còn có khách mời đặc biệt đó là Tiến sĩ Võ Trí Thành. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, đầu tư, các thành viên trong Ban đại diện Quỹ đã cùng nhau phối hợp phân tích và đưa ra những nhận định về thị trường trong quý IV/2012 nhằm xác định kế hoạch hoạt động cho Quỹ. Tại cuộc họp, việc chuyển đổi Quỹ đầu tư VF4 từ quỹ đóng sang quỹ mở một lần nữa được đưa ra thảo luận và chọn thời điểm thích hợp để triển khai thực hiện.



**Công ty
VietFund Managment**



Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) đã trải qua gần 10 năm hình thành và phát triển song hành cùng thị trường tài chính Việt Nam. Từ những ngày đầu thành lập, những khó khăn của một thị trường mới nổi tưởng chừng quá lớn đối với một công ty còn non trẻ, nhưng với nhiệt huyết và tinh thần trách nhiệm, với kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao trong ngành tài chính, ban lãnh đạo và tập thể nhân viên đã thể hiện tính chuyên nghiệp trong các hoạt động, đem lại những thành tựu nổi bật cho công ty.

Với vị thế là công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam, công ty VFM đã tiên phong trong việc huy động và quản lý các quỹ đại chúng đang được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HSX), quỹ thành viên và dịch vụ quản lý danh mục đầu tư với sự tham gia đồng đạo nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, tổng tài sản quản lý đạt đến 5.000 tỷ đồng vào năm 2007. Hiện nay, trong thời kỳ kinh tế khó khăn và ngành tài chính có nhiều biến động, công ty VFM vẫn luôn duy trì vị trí thuộc nhóm công ty quản lý quỹ nội địa quản lý tổng tài sản lớn nhất.

Năm 2012 vẫn là một năm đầy khó khăn đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước ở hầu hết các lĩnh vực kinh doanh, từ ngành sản xuất đến ngành dịch vụ tài chính - ngân hàng. Để tồn tại và phát triển trong giai đoạn này, ngoài những hỗ trợ tích cực từ chính phủ qua tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô và các khung pháp lý cho ngành quản lý quỹ, công ty VFM với vai trò kết nối các đơn vị cùng ngành thông qua hoạt động của Câu lạc bộ Quản lý quỹ đã chủ động kết hợp với HSX, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xây dựng các cơ chế về dòng sản phẩm quỹ mở, quỹ hoán đổi danh mục (ETF).... Để sẵn sàng cho việc ra đời dòng sản phẩm mới, công ty VFM đã tích cực làm việc với các đối tác, các đơn vị cung cấp dịch vụ trong việc chuẩn hóa mô hình, quy trình thành lập quỹ, chuẩn bị cho một giai đoạn phát triển mới khi điều kiện thị trường thuận lợi.

Đánh dấu cột mốc 10 năm phát triển của Công ty VFM (15/07/2003 - 15/07/2013), Ban điều hành và toàn thể nhân viên tích cực triển khai các dự án kỹ thuật mới với tính hiệu quả cao, mang tính thiết thực vào sự phát triển của công ty, đưa công ty vượt qua mọi thử thách phía trước nhằm duy trì vị thế và là điểm đến lý tưởng của các nguồn vốn đầu tư. Đây chính là nền tảng để Công ty VFM cho ra đời các dòng sản phẩm mới, triển khai những dịch vụ phù hợp với xu hướng phát triển mới của ngành quản lý quỹ trên thế giới, hoàn thành sứ mệnh đem lại lợi ích cao nhất cho các nhà đầu tư.



Hoạt động công ty VFM

Một số hoạt động tiêu biểu của công ty VFM trong năm 2012



Trong năm vừa qua, công ty VFM đã tích cực phối hợp với các đối tác, cơ quan ban ngành tổ chức các buổi hội thảo về các sản phẩm quỹ mới như:

- Hội thảo **Quỹ mở và chia sẻ kinh nghiệm quản lý quỹ mở** được tổ chức bởi công ty Bloomberg L.P và CLB Quản lý Quỹ Việt Nam vào ngày 14/08/2012 tại khách sạn Park Hyatt, Tp. HCM ;
- Hội thảo **sản phẩm Quỹ hoán đổi danh mục (ETF)** được tổ chức bởi Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM vào ngày 12/10/2012 tại khách sạn Rex, Tp.HCM;
- Hội thảo **Xây dựng Quỹ Hưu trí bổ sung, các đề xuất đối với Việt Nam** được tổ chức bởi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cùng với Tập đoàn Bảo hiểm Malakoff Méderic (Pháp) vào tháng 11/2012 tại Nhà khách 165, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Tp.HCM.

Với tư cách là thành viên của Câu lạc bộ Quản lý Quỹ Việt Nam, công ty VFM luôn tích cực chủ động trong việc kết nối, phối hợp các hoạt động của các công ty thành viên trong ngành, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm để xây dựng, thúc đẩy hoạt động của các thành viên thông qua các buổi trao đổi định kỳ hàng quý theo từng chuyên đề cụ thể.

Song song đó, công ty VFM đã tích cực hệ thống hóa các quy trình nội bộ, nâng cao chất lượng nhân sự và hiệu quả hoạt động, giảm thiểu chi phí vượt qua giai đoạn khó khăn của thị trường. Trước tình hình thị trường có nhiều biến động không thuận lợi, công ty VFM đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro, ứng dụng các phần mềm kỹ thuật mới, với sự cố vấn từ công ty mẹ là Dragon Capital Management, nhằm tạo điều kiện an toàn tốt nhất cho hoạt động và tài sản các Quỹ.

Với nỗ lực trong hoạt động đầu tư, tăng cường nghiên cứu công cụ đầu tư hiệu quả và áp dụng vào thực tiễn, đồng thời, công tác quan hệ nhà đầu tư vẫn luôn được công ty VFM xem trọng. Trong năm 2012, để giảm thiểu chi phí liên quan đến các hoạt động của quỹ, hòa nhập hơn vào xu hướng sử dụng công nghệ hiện đại, công ty VFM đã đẩy mạnh trao đổi thông tin hai chiều với nhà đầu tư thông qua các phương tiện điện tử như website, email... cắt giảm các chi phí liên quan đến gửi thư, in ấn và một số hoạt động hành chính khác. Chủ trương này đã nhận được sự ủng hộ tích cực từ phía nhà đầu tư, và là tiền đề để chúng tôi tiếp tục nghiên cứu áp dụng các chương trình chăm sóc nhà đầu tư tốt hơn. Hiện tại, công ty VFM tiếp tục thực hiện và cung cấp các báo cáo định kỳ như báo cáo NAV, Điểm tin tháng, Bản tin quý thông qua email và website. Ngoài ra, Báo cáo Thường niên các quỹ sẽ được trình bày ở dạng bản đọc online, giúp nhà đầu tư dễ dàng theo dõi các báo cáo về tình hình hoạt động của các quỹ.

Năm 2013, song song với việc triển khai chào bán các sản phẩm mới thuộc dòng Quỹ mở đến nhà đầu tư là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, công ty VFM dự kiến xây dựng cổng thông tin điện tử nhằm phổ biến và cập nhật những kiến thức đầu tư cơ bản và nâng cao về các loại hình sản phẩm quỹ đầu tư cũng như cách thức giao dịch,... đến nhà đầu tư, tăng cường việc trao đổi thông tin hai chiều trực tiếp giữa công ty VFM và các nhà đầu tư. Đây là cơ hội để công ty VFM hiểu hơn về nhu cầu đầu tư tiềm năng của nhà đầu tư, từ đó chúng tôi có những định hướng phát triển sản phẩm phù hợp, hiệu quả trong tương lai.

Những thắc mắc hoặc góp ý liên quan của nhà đầu tư luôn được tiếp nhận và phản hồi kịp thời tại địa chỉ: ir@vinafund.com và đường dây nóng (08) – 3825 1480.

Lịch tổ chức Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2012

Tháng 3/2013				
THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
				1 Công ty VFM gửi thư mời NGĐT tham dự đại hội
4	5	6	7	8
Nhà đầu tư xác nhận hoặc ủy quyền tham dự đại hội bằng cách: email đến địa chỉ: ir@vinafund.com - Gọi điện đến số: (08) 3825-1488 hoặc fax về số: (08) 3825-1489				
11	12	13	14	15
Nhà đầu tư xác nhận hoặc ủy quyền tham dự đại hội bằng cách: email đến địa chỉ: ir@vinafund.com - Gọi điện đến số: (08) 3825-1488 hoặc fax về số: (08) 3825-1489				
18	19 ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ QUỸ ĐẦU TƯ VF4	20	21 ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ QUỸ ĐẦU TƯ VF1	22
25	26	27	28	29

SẢN PHẨM & DỊCH VỤ

Quỹ mở là nền tảng cơ bản để chúng tôi hình thành các công cụ đầu tư khác nhau để thu hút nhà đầu tư. Một loạt hình thức quỹ mà chúng tôi dự kiến trong thời gian tới giới thiệu đến các nhà đầu tư như Quỹ chỉ số, ETFs, Quỹ trái phiếu, Quỹ hưu trí Bổ sung và các công cụ đầu tư tiền tệ khác.

Kinh tế Việt Nam năm 2012 đang trải qua nhiều khó khăn và thách thức, tăng trưởng GDP chỉ đạt ở mức khiêm tốn khoảng 5%. Những bất ổn từ lạm phát, chính sách tiền tệ, lãi suất cao đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất các doanh nghiệp. Thị trường chứng khoán trong năm qua cũng chịu tác động chung cùng với sự suy giảm của nền kinh tế. Chỉ số VN-Index sụt giảm đáng kể ở mức thấp nhất trong nhiều năm. Tuy nhiên, những tín hiệu cuối năm về những cải tổ mạnh mẽ từ hệ thống ngân hàng, các Tổng công ty, cùng nhiều gói giải pháp chống đà suy giảm chung của nền kinh tế cho thấy quyết tâm của Chính Phủ trong việc khôi phục và duy trì ổn định nền kinh tế vĩ mô, giữ mức tăng trưởng ổn định. Với những quyết tâm này chúng ta kỳ vọng năm 2013 nền kinh tế sẽ khởi sắc hơn, hệ thống tài chính tiền tệ được ổn định và TTCK sẽ dần hồi phục và tăng trưởng mạnh.

Đối với hoạt động các quỹ tại công ty VFM, thời gian qua, mặc dù kết quả hoạt động của các quỹ do công ty VFM quản lý có những điểm sáng nhất định nhưng thị giá giao dịch của quỹ vẫn có sự suy giảm chung cùng với xu hướng của thị trường. Tỷ lệ chiết khấu giữa thị giá so với NAV của các quỹ bình quân khoảng 30-40%. Điều này phản ánh những hạn chế nhất định của cơ chế quỹ đóng. Trước những khó khăn này, cuối năm 2011 vừa qua, UBCKNN đã ban hành Thông tư 183/2011/TT-BTC hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, đây là nền tảng quan trọng để các dòng sản phẩm mới được ra đời đáp ứng nhu cầu tốt hơn cho nhà đầu tư. Các Thông tư về hướng dẫn thành lập Quỹ hoán đổi danh mục (ETFs) cũng như cho phép mô hình hoạt động công ty đầu tư chứng khoán, Quỹ Bất động sản và Sản phẩm phái sinh (Covered Warrant) dự kiến ban hành trong năm 2013 hứa hẹn nhiều loại hình đầu tư và sản phẩm mới sẽ ra đời trong thời gian tới. Bên cạnh đó, với tinh thần chủ động tìm kiếm những

công cụ đầu tư tốt nhất cho nhà đầu tư, công ty VFM cũng đã phối hợp với Bộ Lao động Thương binh - Xã hội và Bộ Tài Chính, chủ động góp ý nhằm cùng xây dựng mô hình thí điểm cho sản phẩm Quỹ hưu trí bổ sung và được kỳ vọng sẽ sớm thực hiện trong năm 2013.

Để đáp ứng những nhu cầu mới của nhà đầu tư từ khung pháp lý mới của Quỹ mở, dòng sản phẩm ETFs, Quỹ Chỉ số, Quỹ Bất động sản, Quỹ hưu trí bổ sung, trong thời gian vừa qua Công ty VFM đã chủ động nghiên cứu tìm hiểu và tập huấn các mô hình phát triển sản phẩm Quỹ mới này tại một số nước có mô hình tài chính gần giống với Việt Nam. Với những bước chuẩn bị cụ thể, chúng tôi đã sẵn sàng đón đầu những cơ hội đầu tư mới bằng cách cho ra đời các sản phẩm tài chính mới từng bước phù hợp với điều kiện và khả năng đáp ứng của thị trường. Được sự hỗ trợ từ các chuyên gia kinh tế tài chính tại công ty Dragon Capital, công ty Quản lý quỹ VFM đã nghiên cứu rất nhiều mô hình quỹ mở hiện đang được áp dụng phổ biến trên thế giới để từ đó chọn ra các mô hình phù hợp và hiệu quả nhất tại Việt Nam. Mặt khác, chúng tôi cũng đang hoàn thiện dần hệ thống cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ cho việc giao dịch của Quỹ mở và các sản phẩm quỹ mới.

Quỹ mở là nền tảng cơ bản để chúng tôi hình thành các công cụ đầu tư khác nhau để thu hút nhà đầu tư. Một loạt hình thức quỹ mà chúng tôi dự kiến trong thời gian tới giới thiệu đến các nhà đầu tư như Quỹ chỉ số, ETFs, Quỹ trái phiếu, Quỹ hưu trí Bổ sung và các công cụ đầu tư tiền tệ khác... Trong thời gian tới, khung pháp lý này sẽ góp phần giải quyết những bất cập của quỹ đóng, giúp đa dạng hóa sản phẩm đầu tư, kéo theo sự phát triển của khu vực bảo hiểm và an sinh xã hội.

QUỸ TRÁI PHIẾU

Quỹ chứng khoán nợ, gọi chung là Quỹ trái phiếu, về bản chất có mức lợi nhuận và rủi ro kỳ vọng khác với Quỹ cổ phiếu. Trong đa số các trường hợp, lợi nhuận của các quỹ đầu tư trái phiếu thường bị giới hạn và ổn định hơn quỹ cổ phiếu khi được đầu tư cẩn trọng và không quá mạo hiểm. Trong một số trường hợp ngoại lệ, lợi nhuận của Quỹ trái phiếu có thể đạt đến 20%. Tuy nhiên, lợi nhuận kỳ vọng của Quỹ trái phiếu thường xoay quanh mức lãi suất của trái phiếu chính phủ ngắn hạn.

Nắm bắt được những nhu cầu cần thiết về đầu tư trái phiếu chuyên nghiệp của các định chế tài chính lớn, Công ty VFM cùng với các chuyên gia đầu tư trái phiếu tại Dragon Capital sớm cho ra mắt Quỹ Trái phiếu với một danh mục đầu tư đa dạng với cách quản lý tài sản linh hoạt đem lại hiệu quả đầu tư tốt nhất cho nhà đầu tư. Quỹ Trái phiếu (VFB) về cơ bản sẽ có danh mục đầu tư thận trọng, đồng nghĩa với việc phần lớn quỹ sẽ được đầu tư vào trái phiếu chính phủ nhằm tránh ảnh hưởng không tốt từ rủi ro thị trường và tính thiếu thanh khoản.

Mục tiêu chính của Quỹ này là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam..., giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ là bảo toàn vốn đồng thời tạo mức lợi nhuận ổn định lớn hơn hoặc bằng lãi suất trái phiếu chính phủ ngắn hạn. Công ty VFM dự kiến sẽ thực hiện chào bán chứng chỉ Quỹ trái phiếu ra công chúng vào Tháng 3/2013 và được giao dịch mua/bán theo cơ chế của Quỹ mở.

QUỸ CHỈ SỐ & QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC (ETFs)

Đầu tư chỉ số và Quỹ ETFs hiện nay là một trong những loại hình đầu tư có quy mô lớn nhất trên các thị trường chứng khoán trên toàn cầu. Với việc mô phỏng lại theo một chỉ số mục tiêu, nhà đầu tư thay vì phải thực hiện mua/bán với từng cổ phiếu thì có thể thực hiện với toàn bộ rổ cổ phiếu thông qua việc chỉ mua/bán chứng chỉ quỹ đầu tư chỉ số.

Với quy mô lớn và phổ biến, Quỹ đầu tư chỉ số và/hoặc ETFs có nhiều ưu điểm hơn hẳn so với các hình thức đầu tư quỹ khác như chi phí thấp, biến động tương đương với thị trường, loại bỏ các yếu tố rủi ro do chọn sai cổ phiếu,...

Các quỹ đầu tư chỉ số thường có chỉ số mục tiêu được hình thành từ các cổ phiếu đại diện cho thị trường, có giá trị thị trường lớn, có tính thanh khoản cao và mức độ biến động giá so với thị trường cũng ít. Với bộ chỉ số VN30 và HX30 ra đời trong năm 2012 đã thể hiện kết quả vượt trội, công ty VFM dự kiến sớm cho ra đời sản phẩm Quỹ chỉ số và/hoặc Quỹ ETFs cho nhà đầu tư trong năm 2013 này.

QUỸ BẤT ĐỘNG SẢN

Quỹ đầu tư Bất động sản (REITs) là quỹ hình thành từ vốn góp của nhà đầu tư thông qua việc mua chứng chỉ Quỹ phát hành, sau đó ủy quyền quản lý cho Ban giám đốc Quỹ quản lý. Nhà đầu tư tham gia Quỹ sẽ được hưởng lợi nhuận dưới dạng cổ tức. Quỹ bất động sản chủ yếu tham gia mua bán, tham gia quản lý các sản phẩm bất động sản, góp vốn phát triển dự án hoặc tham gia đầu tư vào các công ty bất động sản.

Với hành lang pháp lý cho phép Quỹ bất động sản được hình thành và hoạt động dự kiến được ban hành trong năm 2013, công ty VFM đã chủ động phối hợp cùng với Dragon Capital và một số đối tác khác đang nghiên cứu hình thành Quỹ bất động sản với một cơ cấu đầu tư đa dạng, an toàn đem lại hiệu quả đầu tư tốt nhất cho nhà đầu tư. Việc cho ra đời sản phẩm Quỹ bất động sản sẽ tạo ra sân chơi cho nhà đầu tư nhỏ lẻ khi không đủ tiền mua một bất động sản thì có thể mua các chứng chỉ quỹ bất động sản của công ty quản lý quỹ. Quỹ Bất động sản sẽ được ra đời ngay khi khung pháp lý được ban hành.

QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG (QUỸ ĐẦU TƯ HỖ TRỢ NHÂN SỰ VIỆT NAM)

“Hãy chăm lo cho tương lai nhân sự của bạn”

Năm 2006, công ty VFM đã nghiên cứu và giới thiệu mô hình sản phẩm Quỹ đầu tư hỗ trợ nhân sự Việt Nam đến các tổ chức, doanh nghiệp lớn với mục đích hỗ trợ các công ty trong việc xây dựng kế hoạch chăm lo đời sống nhân viên về lâu dài. Với sự cộng tác từ Công ty Bảo hiểm Aon Việt Nam – một trong những công ty môi giới bảo hiểm nước ngoài hàng đầu Việt Nam, Quỹ đầu tư hỗ trợ nhân sự Việt Nam đã tiếp cận và thu hút sự quan tâm của hơn 200 doanh nghiệp lớn tại Việt Nam với quy mô nhân sự từ 50 đến hơn 100 nhân viên.

Quỹ đầu tư VF3 là một quỹ đầu tư chuyên biệt với mục tiêu hỗ trợ chăm lo cho tương lai nguồn nhân lực, là một sản phẩm kết hợp khả năng thanh khoản vốn và thu nhập trong tương lai nhằm bảo vệ người lao động khỏi sự sụt giảm phúc lợi xã hội và mang lại khả năng có được mức thu nhập đảm bảo cuộc sống trong những năm hưu trí sau này. Do vậy, việc hỗ trợ nhân viên bảo đảm an toàn cho tương lai của họ và hỗ trợ xây dựng kế hoạch hưu trí sẽ tạo ra sự gắn bó giữa công ty bạn và nguồn nhân sự. Chính mối liên hệ này là động lực giúp công ty và công việc kinh doanh của bạn phát triển mạnh mẽ và bền vững trong tương lai.

Tuy nhiên, vào thời điểm đó, Quỹ chưa mang lại tính thực tế cao dưới mô hình quỹ đóng. Với sự ra đời của Thông tư 183 về hướng dẫn thành lập quỹ mở, chúng tôi đang tiếp tục hoàn thiện sản phẩm với những tiện ích, quyền lợi tốt hơn cho doanh nghiệp và người lao động dưới mô hình là Quỹ Hữu trí Bổ sung. Quỹ này sẽ được thực hiện thí điểm tại một số doanh nghiệp lớn trong thời gian gần nhất.

DỊCH VỤ QUẢN LÝ TÀI SẢN ỦY THÁC

Với phương châm đem lại nhiều tiện ích cho nhà đầu tư, công ty VFM đã cho ra đời Dịch vụ Quản lý tài sản từ năm 2007 đến nay. Dịch vụ quản lý tài sản ủy thác được công ty VFM xây dựng linh hoạt dựa trên mức độ chấp nhận rủi ro của từng khách hàng.

Với kiến thức chuyên sâu và tầm nhìn chiến lược, đội ngũ đầu tư chuyên môn cao, công ty VFM luôn theo dõi sát sao và phân tích những biến động của thị trường để phục vụ tốt nhất mục tiêu đầu tư của từng danh mục ủy thác.

Lợi ích mang lại cho nhà đầu tư khi tham gia sản phẩm này, bao gồm:

- Giải pháp đầu tư được thiết kế chuyên biệt dành riêng cho từng nhà đầu tư.
- Tiết kiệm thời gian, tiền bạc, công sức.
- Tài sản được phân bổ đa dạng, phân tán rủi ro.
- Quy trình quản lý tài sản chuyên nghiệp nhất.
- Chính sách bảo mật thông tin nghiêm ngặt.

Năm 2013, chúng tôi mở rộng hơn đối tượng tham gia dịch vụ Quản lý tài sản ủy thác này nhằm tăng hiệu quả đầu tư.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Nội dung

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

Thông tin chung về Quỹ	43
Báo cáo của Công ty quản lý Quỹ	44
Báo cáo của Ban Đại diện	45
Báo cáo của kiểm toán viên	46
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - QĐT)	47
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B 02 - QĐT)	49
Báo cáo tài sản (Mẫu số B 05 - QĐT)	51
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (Mẫu số B 06 - QĐT)	52
Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 07 - QĐT)	53
Thuyết minh các báo cáo tài chính (Mẫu số B 04 - QĐT)	54

THÔNG TIN CHUNG

Giấy phép phát hành chứng chỉ Quỹ ra công chúng	04/UBCK-GCN cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007												
Giấy phép niêm yết chứng chỉ Quỹ	58/QĐ- SGDHCM cấp ngày 3 tháng 6 năm 2008												
Giấy chứng nhận đăng ký thành lập	11/UBCK-GCN cấp ngày 28 tháng 2 năm 2008 Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 10 năm.												
Ban đại diện Quỹ	<table> <tr> <td>Ông Đặng Thái Nguyên</td><td>Chủ tịch</td></tr> <tr> <td>Bà Đỗ Thị Đức Minh</td><td>Phó Chủ tịch</td></tr> <tr> <td>Ông Trần Thiên Hà</td><td>Phó Chủ tịch</td></tr> <tr> <td>Ông Lê Hoàng Anh</td><td>Thành viên</td></tr> <tr> <td>Ông Lê Trung Thành</td><td>Thành viên</td></tr> <tr> <td>Ông Huỳnh Văn Thòn</td><td>Thành viên</td></tr> </table>	Ông Đặng Thái Nguyên	Chủ tịch	Bà Đỗ Thị Đức Minh	Phó Chủ tịch	Ông Trần Thiên Hà	Phó Chủ tịch	Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên	Ông Lê Trung Thành	Thành viên	Ông Huỳnh Văn Thòn	Thành viên
Ông Đặng Thái Nguyên	Chủ tịch												
Bà Đỗ Thị Đức Minh	Phó Chủ tịch												
Ông Trần Thiên Hà	Phó Chủ tịch												
Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên												
Ông Lê Trung Thành	Thành viên												
Ông Huỳnh Văn Thòn	Thành viên												
Công ty Quản lý Quỹ	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam												
Trụ sở đăng ký	Phòng 1701, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam												
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)												
Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam												

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

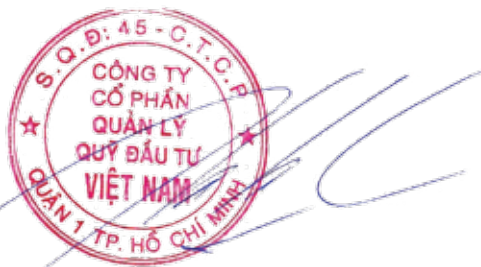
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”), được trình bày theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, mà các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động của Quỹ trong năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Thay mặt Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam



Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Đặng Thái Nguyên, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam ("Quỹ"), phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập theo các Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán. Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Đặng Thái Nguyên
Chủ tịch



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản và báo cáo danh mục đầu tư đính kèm của Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam ("Quý") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Đại diện Quý phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 02 năm 2013. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam là Công ty Quản lý Quỹ và được xác nhận bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát của Quý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động của Quý cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán. Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-01-408



Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Hà Vũ Định
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0414/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU SỐ B 01 - QĐT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
VND	TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng	4	108.406.152.310	35.086.811.122
120	2. Đầu tư chứng khoán	5	426.418.326.100	403.586.076.400
130	3. Phải thu hoạt động đầu tư	6	884.944.445	7.167.929.555
200	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		535.709.422.855	445.840.817.077
B.	NGUỒN VỐN			
300	I. NỢ PHẢI TRẢ		1.770.265.033	1.461.649.846
311	1. Phải trả hoạt động đầu tư		29.756.023	26.969.514
314	2. Phải trả phụ cấp Ban đại diện Quỹ		88.000.000	48.000.000
315	3. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	7	927.994.510	586.613.221
318	4. Phải trả khác	8	724.514.500	800.067.111
400	II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		533.939.157.822	444.379.167.231
410	1. Vốn phát hành cho các nhà đầu tư	9	806.460.000.000	806.460.000.000
420	2. Lỗ lũy kế	10	(272.520.842.178)	(362.080.832.769)
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		535.709.422.855	445.840.817.077

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU SỐ B 01 - QĐT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chứng khoán theo mệnh giá (không bao gồm quyền mua cổ phiếu)	132.692.920.000	203.990.260.000



Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC.
(Việt Nam)
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản lý Quỹ
Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

MẪU SỐ B 02 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
A.	XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN			
10	I. Lỗ từ hoạt động đầu tư đã thực hiện		(78.367.795.908)	(86.028.118.260)
11	1. Cổ tức được nhận		25.610.732.100	24.157.063.800
13	2. Lãi tiền gửi ngân hàng		4.702.648.230	4.949.919.805
14	3. Lỗ bán chứng khoán		(108.681.176.238)	(115.135.101.865)
30	II. Chi phí		12.969.130.712	12.758.943.809
31	1. Phí quản lý Quỹ và thưởng hoạt động	13a	10.409.349.877	10.044.746.193
32	2. Phí lưu ký và giám sát	13b	544.701.245	579.428.126
33	3. Chi phí hợp. đại hội		288.062.934	464.840.371
34	4. Chi phí kiểm toán		312.512.473	260.116.670
38	5. Chi phí khác	11	1.414.504.183	1.409.812.449
50	III. Lỗ thuần đã thực hiện trong năm		(91.336.926.620)	(98.787.062.069)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012(tiếp theo)

MẪU SỐ B 02 - QĐT

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
B.	XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN			
60	I. Thu nhập		203.851.963.849	72.048.880.937
61	1. Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán		203.851.963.849	72.048.880.937
70	II. Chi phí		22.955.046.638	268.507.847.217
71	1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán		22.955.046.638	268.507.847.217
80	III. Lãi/(lỗ) thuần chưa thực hiện trong năm		180.896.917.211	(196.458.966.280)
	LÃI/(LỖ) THUẦN TRONG NĂM		89.559.990.591	(295.246.028.349)
	Lãi/(lỗ) trên một đơn vị quỹ	12	1.111	(3.661)



Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC.
(Việt Nam)
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản lý Quỹ
Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2013

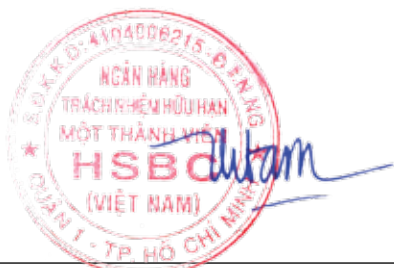
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÀI SẢN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 05 - QĐT

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
1	Tiền gửi ngân hàng	4	108.406.152.310	35.086.811.122
2	Đầu tư chứng khoán	5	426.418.326.100	403.586.076.400
2.1	Cổ phiếu niêm yết		426.418.326.100	399.641.497.200
2.2	Cổ phiếu chưa niêm yết		-	3.944.579.200
3	Cổ tức được nhận	6	-	1.558.861.500
4	Lãi được nhận	6	884.944.445	532.055.555
5	Tiền bán chứng khoán phải thu	6	-	5.077.012.500
Tổng tài sản			535.709.422.855	445.840.817.077
6	Phải trả hoạt động đầu tư		29.756.023	26.969.514
7	Phải trả phụ cấp Ban đại diện Quỹ		88.000.000	48.000.000
8	Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	7	927.994.510	586.613.221
9	Phải trả khác	8	724.514.500	800.067.111
Tổng nợ phải trả			1.770.265.033	1.461.649.846
Giá trị tài sản ròng của Quỹ			533.939.157.822	444.379.167.231
Tổng số đơn vị quỹ			80.646.000	80.646.000
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ			6.621	5.510



Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản lý Quỹ
Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

MẪU SỐ B 06 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Chỉ tiêu	2012 VND	2011 VND
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	444.379.167.231	739.625.195.580
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	89.559.990.591	(295.246.028.349)
	Trong đó:		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	89.559.990.591	(295.246.028.349)
III	Giá trị tài sản ròng cuối năm	533.939.157.822	444.379.167.231



Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản lý Quỹ
Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

MẪU SỐ B 07 - QĐT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Loại	Số lượng cổ phiếu	Giá thị trường tại ngày 31/12/2012 VND	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2012 VND	Tỷ lệ (%) tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
I	Cổ phiếu niêm yết			426.418.326.100	79,60%
1	BVH	230.000	38.400	8.832.000.000	1,65%
2	DPM	1.731.140	35.800	61.974.812.000	11,57%
3	EIB	1.524.960	15.700	23.941.872.000	4,47%
4	FPT	1.173.166	35.200	41.295.443.200	7,71%
5	HAG	900.791	21.600	19.457.085.600	3,63%
6	HPG	961.557	21.000	20.192.697.000	3,77%
7	MSN	362.150	102.000	36.939.300.000	6,90%
8	PVD	758.257	37.500	28.434.637.500	5,31%
9	GAS	137.600	38.600	5.311.360.000	0,99%
10	REE	1.193.850	16.600	19.817.910.000	3,70%
11	SSI	881.740	16.300	14.372.362.000	2,68%
12	SD5	268.000	10.800	2.894.400.000	0,54%
13	SPM	543.420	31.900	17.335.098.000	3,24%
14	VNM	1.005.862	88.000	88.515.856.000	16,52%
15	VCB	1.243.199	27.200	33.815.012.800	6,31%
16	VC2	353.600	9.300	3.288.480.000	0,61%
IV	Các tài sản khác			884.944.445	0,16%
1	Lãi được nhận			884.944.445	0,16%
V	Tiền gửi ngân hàng			108.406.152.310	20,24%
VI	Tổng giá trị danh mục			535.709.422.855	100,00%



Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản lý Quỹ
Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 11/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 2 năm 2008. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 10 năm kể từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập.

Tổng số vốn Điều lệ tối đa của Quỹ được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập là 8.000 tỷ đồng Việt Nam. Theo giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 80.646.000 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam trên mỗi đơn vị quỹ cho lần huy động vốn đầu tiên.

Hoạt động chính của Quỹ là đầu tư vào các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư chủ yếu bao gồm các doanh nghiệp có cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán ở Việt Nam. Danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được quản lý nhằm mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của Quỹ.

Chứng chỉ Quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 58/QĐ-SGDHCM ngày 3 tháng 6 năm 2008.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, một Công ty Quản lý Quỹ được thành lập tại Việt Nam. Quỹ được giám sát bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính đính kèm được lập không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động;
- Báo cáo tài sản;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng;
- Báo cáo danh mục đầu tư; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ theo như thảo luận trong Thuyết minh 3(d).

Các chính sách kế toán trình bày bên dưới được Quỹ áp dụng nhất quán trong năm.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 ("CMKT 10") – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(b) Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

(c) Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

(d) Đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó, và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo Quyết định 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(d) Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

(i) Phân loại

Quý phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

(ii) Ghi nhận

Quý ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

(iii) Đánh giá lại

Theo Quyết định 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán, khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Các chứng khoán niêm yết sẽ được đánh giá lại theo giá đóng cửa của các chứng khoán đó tại ngày lập báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Các chứng khoán chưa niêm yết sẽ được đánh giá lại theo giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Các trái phiếu chưa niêm yết sẽ được đánh giá lại theo giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát. Các trái phiếu chưa niêm yết không được định giá sẵn trên thị trường thì giá định giá lại sẽ được tính bằng cách sử dụng phương pháp định giá trái phiếu thích hợp.

Cổ phiếu thường, cổ tức chia bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu được ghi nhận như là các khoản đầu tư với giá trị bằng không tại thời điểm ban đầu và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tài chính theo giá tham khảo của các chứng khoán liên quan tại ngày đó.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu hoạt động đầu tư và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(g) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quý có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(h) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quý và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính. Quý phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Quý phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả)
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Quý xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quý có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quý xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Quý xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Quý có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Quý xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Quý xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Quý có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(h) Phân loại công cụ tài chính (tiếp theo)

(i) Tài sản tài chính (tiếp theo)

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Quý phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quý xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác

(i) Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quý không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi Quý trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Quý cần giữ lại 25% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật) theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành. Theo thông tư 84/2008/TT-BTC ngày 30/09/2008 do Bộ Tài chính ban hành, trước mỗi lần trả lợi tức, cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, các tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân. Số thuế khấu trừ được xác định bằng lợi tức, cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(j) Vốn góp

Các đơn vị quỹ phát hành cho các nhà đầu tư được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(k) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ chắc chắn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

(i) *Lãi tiền gửi và thu nhập cổ tức*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích trừ khi nghi ngờ về khả năng thu hồi. Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(ii) *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(l) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận theo cơ sở dồn tích. Tất cả các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ việc mua các khoản đầu tư sẽ được hạch toán vào giá mua của các khoản đầu tư đó.

(m) *Lãi/(lỗ) trên mỗi đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ*

Quỹ trình bày lãi cơ bản/(lỗ) trên mỗi đơn vị ("EPU") cho các đơn vị quỹ. Lãi/(lỗ) cơ bản trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ của Quỹ chia cho số đơn vị quỹ bình quân trong năm.

Giá trị tài sản ròng ("NAV") trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số đơn vị quỹ tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

(n) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận.

(o) Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cũng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(p) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho Quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được trình bày trong thuyết minh tương ứng của các báo cáo tài chính này.

(q) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền bằng đồng Việt Nam gửi tại các ngân hàng sau đây vào thời điểm cuối năm:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	3.406.152.310	1.086.811.122
Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	39.000.000.000	19.000.000.000
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	9.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	57.000.000.000	15.000.000.000
	108.406.152.310	35.086.811.122

Điều khoản và điều kiện của các khoản tiền gửi có kỳ hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa	Năm đáo hạn	31/12/2012 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam				
Khoản tiền gửi 1	VND	9%	Tháng 6 năm 2013	10.000.000.000
Khoản tiền gửi 2	VND	9%	Tháng 1 năm 2013	29.000.000.000
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	VND	2%	Tháng 1 năm 2013	9.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam				
Khoản tiền gửi 1	VND	9%	Tháng 1 năm 2013	21.000.000.000
Khoản tiền gửi 2	VND	9,5%-11%	Tháng 12 năm 2013	36.000.000.000
				105.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

5. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết và không niêm yết) như được trình bày trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được Quỹ đầu tư vào. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 3(d), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán được trình bày như sau:

	Giá mua VND	Lỗ do đánh giá lại VND	Giá thị trường tại ngày 31/12/2012 VND
31/12/2012			
Cổ phiếu niêm yết	520.639.861.015	(94.221.534.915)	426.418.326.100
	520.639.861.015	(94.221.534.915)	426.418.326.100

	Giá mua VND	Lỗ do đánh giá lại VND	Giá thị trường tại ngày 31/12/2011 VND
31/12/2011			
Cổ phiếu niêm yết	674.720.148.526	(275.078.651.326)	399.641.497.200
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.984.380.000	(39.800.800)	3.944.579.200
	678.704.528.526	(275.118.452.126)	403.586.076.400

6. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu từ kinh doanh chứng khoán	-	5.077.012.500
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	884.944.445	532.055.555
Cổ tức phải thu	-	1.558.861.500
	884.944.445	7.167.929.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

7. PHẢI TRẢ CHO CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phí quản lý Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ	891.445.254	556.207.226
Phí lưu ký và giám sát phải trả cho Ngân hàng Giám sát	36.549.256	30.405.995
	927.994.510	586.613.221

8. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Cổ tức phải trả cho các nhà đầu tư có chứng khoán chưa lưu ký tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	83.000.000	83.000.000
Chi phí hội nghị	382.189.500	625.628.236
Phí kiểm toán trích trước	259.325.000	91.438.875
	724.514.500	800.067.111

9. VỐN PHÁT HÀNH

Vốn được duyệt tối đa của Quỹ là 8.000 tỷ đồng Việt Nam, tương đương 800.000.000 đơn vị quỹ với mỗi đơn vị quỹ trị giá 10.000 đồng Việt Nam. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số vốn được góp bởi các chủ đầu tư là 806.460 triệu đồng Việt Nam, tương đương 80.646.000 đơn vị quỹ (31/12/2011: 806.460 triệu đồng Việt Nam, tương đương 80.646.000 đơn vị quỹ).

Không có biến động trong vốn phát hành trong năm.

Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Tất cả các đơn vị quỹ đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn và các quyền khác như nhau. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

10. LỖ LŨY KẾ

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	(362.080.832.769)	(66.834.804.420)
Lãi/(lỗ) thuần trong năm	89.559.990.591	(295.246.028.349)
Số dư cuối năm	(272.520.842.178)	(362.080.832.769)

11. CHI PHÍ KHÁC

	2012 VND	2011 VND
Phí môi giới bán chứng khoán	297.793.917	504.809.524
Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 13 (c))	532.000.000	312.000.000
Chi phí hợp Ban Đại diện Quỹ	363.636.975	289.536.891
Chi phí khác	221.073.291	303.466.034
	1.414.504.183	1.409.812.449

12. LÃI/(LỖ) TRÊN MỖI ĐƠN VỊ QUỸ

Lãi/(lỗ) trên mỗi đơn vị quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được tính trên cơ sở lãi của năm là 89.559.990.591 đồng Việt Nam (2011: lỗ 295.246.028.349 đồng Việt Nam) và số đơn vị quỹ bình quân trong năm là 80.646.000 đơn vị quỹ (2011: 80.646.000 đơn vị quỹ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

13. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Quý có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

(a) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ

	2012 VND	2011 VND
Phí quản lý Quỹ	10.409.349.877	10.044.746.193

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ và phí thưởng hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày cuối cùng của tháng.

Phí thưởng hoạt động được tính vào cuối năm trên cơ sở phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm so với tỷ lệ tăng trưởng của thị trường được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư bình quân trong năm của Quỹ. Không có khoản phí thưởng hoạt động nào được ghi nhận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 do các điều kiện không được thỏa mãn.

(b) Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), Ngân hàng Giám sát

	2012 VND	2011 VND
Phí lưu ký và giám sát tài sản (*)	426.783.346	464.656.618

Quỹ đã chỉ định ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) làm Ngân hàng Giám sát của Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát phí giám sát và quản lý tài sản hàng tháng bằng một phần mười hai của không phẩy không tám phần trăm (0,08%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày cuối cùng của tháng. Trong đó phí giám sát bằng với một phần mười hai của không phẩy không hai phần trăm (0,02%) giá trị tài sản ròng của Quỹ và phí lưu ký bằng một phần mười hai của không phẩy không sáu phần trăm (0,06%) giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí giám sát phải chịu mức thuế suất thuế VAT là 10%.

(*) Phí lưu ký và giám sát cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 không bao gồm phí lưu ký đã trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với số tiền 117.917.899 đồng Việt Nam (2011: 114.771.508 đồng Việt Nam).

(c) Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên nào của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Tiền phụ cấp và các chi phí liên quan của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	2012 VND	2011 VND
Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	532.000.000	312.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

14. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2011
I	Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư		
1	Tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	79.60%	90.52%
2	Tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	79.60%	90.52%
3	Tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	79.60%	89.64%
4	Tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0.00%	0.88%
5	Tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán khác trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0.00%	0.00%
6	Tỷ lệ tiền gửi ngân hàng trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	20.24%	7.87%
7	Tỷ lệ thu nhập bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	19.14%	(63.36%)
8	Tỷ lệ chi phí bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	2.42%	2.86%
II	Các chỉ số thị trường		
1	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	80.646.000	80.646.000
2	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên công ty quản lý Quỹ so với tổng số chứng chỉ quỹ	0.066%	0.062%
3	Tỷ lệ giao dịch cổ phiếu quỹ so với tổng số chứng chỉ quỹ trong năm	24.15%	28.31%
4	Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ (VND)	6.621	5.510

15. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

15. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quý phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quý. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quý cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Quý chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư phản ánh các khoản phải thu từ lãi tiền gửi ngân hàng. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản lãi phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quý có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quý sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quý là đảm bảo Quý luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm chứng khoán niêm yết. Các khoản đầu tư của Quý vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quý có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quý thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

15. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 2011 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 tháng VND	Từ 1 đến 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Phải trả hoạt động đầu tư	29.756.023	29.756.023	29.756.023	-	-
Phải trả phụ cấp Ban đại diện Quỹ	88.000.000	88.000.000	88.000.000	-	-
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	927.994.510	927.994.510	927.994.510	-	-
Phải trả khác	724.514.500	724.514.500	724.514.500	-	-
	1.770.265.033	1.770.265.033	1.770.265.033	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Phải trả hoạt động đầu tư	26.969.514	26.969.514	26.969.514	-	-
Phải trả phụ cấp Ban đại diện Quỹ	48.000.000	48.000.000	48.000.000	-	-
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	586.613.221	586.613.221	586.613.221	-	-
Phải trả khác	800.067.111	800.067.111	800.067.111	-	-
	1.461.649.846	1.461.649.846	1.461.649.846	-	-

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời gian đáo hạn ngắn.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ là có gốc tiền tệ là tiền đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

15. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quý đầu tư vào chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá thị trường của các chứng khoán niêm yết của Quý là 426.418.326.100 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 399.641.497.200 đồng Việt Nam). Trong năm 2012, tỉ lệ biến động giữa tháng có chỉ số VN Index cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 25,4%. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 25,4% tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi thuần trong năm của Quý sẽ giảm hoặc tăng tương ứng 108.310.254.829 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 101.508.940.289 đồng Việt Nam) và theo đó tài sản ròng của Quý sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 108.310.254.829 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 101.508.940.289 đồng Việt Nam).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

15. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quý:

		31/12/2012		31/12/2011
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
Đầu tư chứng khoán	426.418.326.100	426.418.326.100	403.586.076.400	403.586.076.400
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
Tiền gửi ngân hàng	108.406.152.310	108.406.152.310	35.086.811.122	35.086.811.122
Phải thu hoạt động đầu tư	884.944.445	884.944.445	7.167.929.555	7.167.929.555
	535.709.422.855	535.709.422.855	445.840.817.077	445.840.817.077
Nợ phải trả tài chính				
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ::				
Phải trả hoạt động đầu tư	29.756.023	29.756.023	26.969.514	26.969.514
Phải trả phụ cấp Ban đại diện Quỹ	88.000.000	88.000.000	48.000.000	48.000.000
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	927.994.510	927.994.510	586.613.221	586.613.221
Phải trả khác	724.514.500	724.514.500	800.067.111	800.067.111
	1.770.265.033	1.770.265.033	1.461.649.846	1.461.649.846

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

15. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý (tiếp theo)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Quý sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được căn cứ trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết được căn cứ trên giá giao dịch bình quân tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.
- Giá trị hợp lý của quyền mua chứng khoán được căn cứ trên giá thị trường của chứng khoán liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán trừ đi giá thực hiện quyền nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

16. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm kết thúc cùng ngày được Ban Đại diện Quý phê duyệt phát hành vào ngày 25 tháng 02 năm 2013



Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
(Việt Nam)
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản lý Quỹ
Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2013



KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Vietfund Management (VFM). Tất cả những số liệu liên quan đến Báo cáo Tài chính của Quỹ được công ty VFM công bố trong báo cáo này đã được kiểm toán theo luật định. Đối với những nội dung khác trong báo cáo được công ty VFM phát hành dựa trên những nguồn thông tin đáng tin cậy và/ hoặc đã được công bố ra công chúng. Những quan điểm, dự báo và các ước tính trong báo cáo chỉ thể hiện quan điểm của những người viết tại thời điểm phát hành, không hàm ý bảo đảm những dự đoán, khả năng sinh lời và mức độ rủi ro có thể xảy ra, mà chỉ mang tính chất tham khảo. Chúng tôi không đảm bảo và không chịu trách nhiệm về mọi thua lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp xảy ra cho mọi cá nhân hoặc nhóm người nào sử dụng những thông tin nêu trên trong tài liệu này vào mục đích đầu tư.



Trụ sở chính Công ty VFM

Phòng 1701-04, Tầng 17
Tòa nhà Melinh Point Tower
Số 2, Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: +84 8 3825 1488
Hotline: +84 8 3825 1480
Fax: +84 8 3825 1489
Website: www.vinafund.com

Chi nhánh Hà Nội

Phòng 903, tầng 9, tòa nhà HCO
44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3942 8168
Fax: +84 4 3942 8169